

Báo cáo ngành Thép

Tháng 9/2018

Ảnh hưởng của chính sách bảo hộ ngành thép của Mỹ

“...việc Mỹ áp dụng các chính sách bảo hộ ngành thép sẽ có ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp tới Canada, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ và khối EU. Những ảnh hưởng trực tiếp tới ngành thép Trung Quốc hay Việt Nam là chưa rõ ràng, vì lượng thép xuất nhập khẩu trực tiếp giữa các quốc gia này là không đáng kể đối với lượng xuất nhập khẩu thép của mỗi nước. Tuy nhiên, việc Mỹ áp dụng chính sách sẽ khiến làn sóng bảo hộ thương mại tiếp tục gia tăng ở các quốc gia và khu vực khác, dẫn đến triển vọng ngành thép trên thế giới trở nên tiêu cực hơn...”

Nguyễn Nhật Hoàng

Chuyên viên phân tích

E: hoangnn@fpts.com.vn

P: (024) – 3773 7070 – Ext: 4306



TIÊU ĐIỂM**NGÀNH THÉP THẾ GIỚI**

- Hiệu lực từ tháng 7 năm 2018, Mỹ áp dụng chính sách bảo hộ bằng cách áp dụng mức thuế suất nhập khẩu 25% đối với các mặt hàng thép. Những quốc gia bị ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đó là Canada, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ và các quốc gia thuộc khối EU. Các nhà sản xuất thép nội địa của Mỹ và các nhà sản xuất có nhà máy đặt tại các quốc gia được miễn giảm thuế sẽ được hưởng lợi từ chính sách bảo hộ. Những ảnh hưởng trực tiếp tới ngành thép Trung Quốc hay Việt Nam là chưa rõ ràng, vì lượng thép xuất nhập khẩu trực tiếp giữa các quốc gia này là không đáng kể đối với lượng xuất nhập khẩu thép của mỗi nước.
- Châu Á chiếm hơn 70% tổng sản lượng thép toàn cầu, sẽ là động lực tăng trưởng của ngành thép sắp tới với điểm sáng là Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á trong đó đứng đầu là Việt Nam.
- Quá trình tái cơ cấu ngành thép Trung Quốc diễn ra khá hiệu quả, với việc đẩy mạnh hoạt động đóng cửa các nhà máy lạc hậu, công suất thấp, ô nhiễm môi trường và tăng cường việc sáp nhập các doanh nghiệp thép lớn hoặc thành lập các nhà máy sản xuất với công nghệ tối tân hơn.
- Xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại tại các quốc gia và khu vực sẽ khiến cho triển vọng của ngành thép trở nên tiêu cực hơn.

NGÀNH THÉP VIỆT NAM

- Chính sách bảo hộ ngành thép của Mỹ sẽ không có ảnh hưởng trực tiếp trọng yếu tới ngành thép Việt Nam. Tuy nhiên, những ảnh hưởng gián tiếp do lượng thép xuất khẩu từ các quốc gia và khu vực khác chuyển hướng có thể sẽ tác động tiêu cực tới ngành thép Việt Nam – đặc biệt từ Hàn Quốc, Trung Quốc hoặc Nhật Bản.
- Chính sách thuế tự vệ của Việt Nam sẽ giảm hạn chế bớt dòng thép từ các quốc gia và khu vực khác chuyển hướng. Trong khoảng thời gian còn hiệu lực, sự hoạt động của dự án Formosa Hà Tĩnh và Dung Quất Quảng Ngãi được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam giảm bớt sự phụ thuộc vào thép nhập khẩu, do sản phẩm chính của hai dự án này là thép HRC – sản phẩm Việt Nam đang phải nhập khẩu gần như toàn bộ.
- Với xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại tại các quốc gia và khu vực, các doanh nghiệp thép đặt ở Việt Nam, đặc biệt là tôn mạ sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất, do đây là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam. Các doanh nghiệp thép xây dựng sẽ ít bị ảnh hưởng hơn, do tỷ trọng xuất khẩu trong tổng sản xuất không cao.

MỤC LỤC

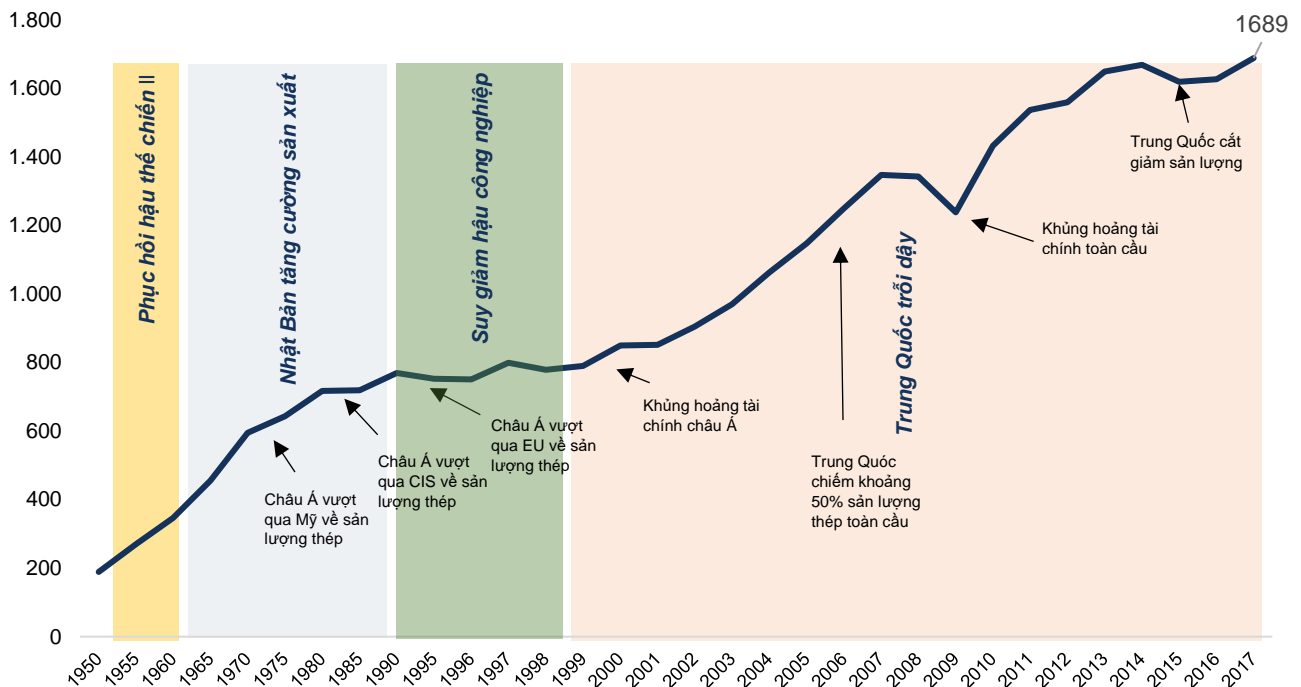
A. NGÀNH THÉP THẾ GIỚI.....	3
1. Cung cầu thép toàn cầu.....	3
2. Các hoạt động xuất nhập khẩu thép.....	5
3. Ảnh hưởng của chính sách bảo hộ của Mỹ	6
Mỹ.....	7
Trung Quốc	10
Khu vực châu Âu (EU).....	15
Ấn Độ	17
Hàn Quốc.....	18
Nhật Bản.....	20
Khu vực ASEAN.....	21
4. Xu hướng gia tăng bảo hộ tại các quốc gia và khu vực.....	23
5. Cập nhật xu hướng giá thép và giá nguyên vật liệu	25
B. NGÀNH THÉP VIỆT NAM.....	27
C. CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP	31

A. NGÀNH THÉP THẾ GIỚI

1. Cung cầu thép toàn cầu

Từ những năm 2000 đến nay, ngành thép thế giới nhìn chung đã bước vào thời kỳ bão hòa. Quy mô thị trường trong giai đoạn này đã phát triển đến mức rất lớn, dẫn đến dư thừa nguồn cung ở nhiều nơi. Trong giai đoạn này, Trung Quốc nổi lên như quốc gia chi phối thị trường thép toàn cầu, chiếm khoảng 50% thị phần sản lượng thép thế giới từ giai đoạn 2008 đến nay.

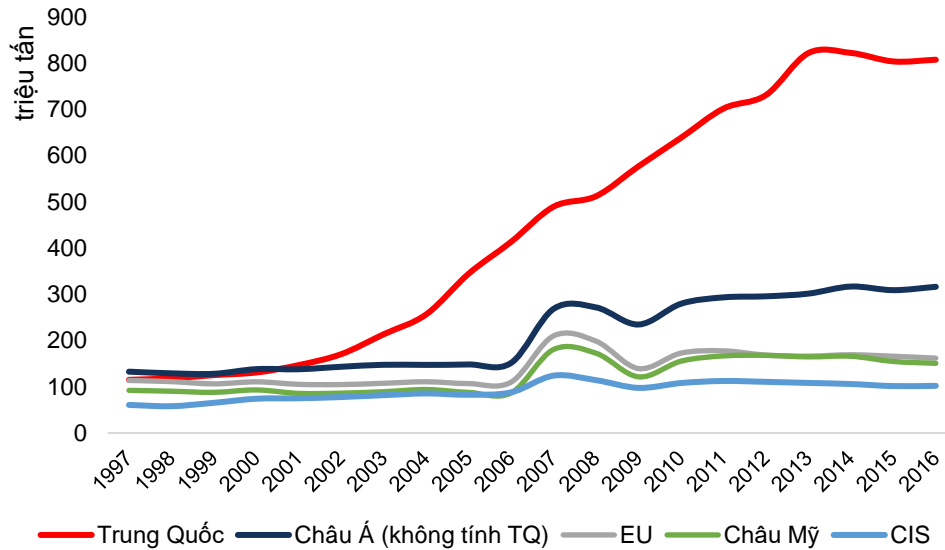
Sản lượng thép thô sản xuất trên thế giới (triệu tấn)



Nguồn: WSA, FPTTS tổng hợp

Giai đoạn 2010 – 2015 rất khó khăn với ngành thép thế giới nói chung vì vấn đề dư thừa nguồn cung. Trong năm 2017, sản lượng thép cả thế giới là 1,68 tỷ tấn nhưng nhu cầu chỉ khoảng 1,5 tỷ tấn, dư thừa hơn 120 triệu tấn thép. WSA ước tính công suất thiết kế ngành thép thế giới trong 2017 lên đến 2,1 – 2,2 tỷ tấn nhưng chỉ sản xuất 1,7 tỷ tấn (công suất trung bình thực tế toàn thế giới chỉ đạt 70% trong năm 2017, mức tương đương trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế) do dư thừa nguồn cung thép đang diễn ra. Năng lực sản xuất toàn ngành liên tục tăng trong khi hiệu suất sử dụng nhà máy luôn dưới mức 75% từ năm 2012.

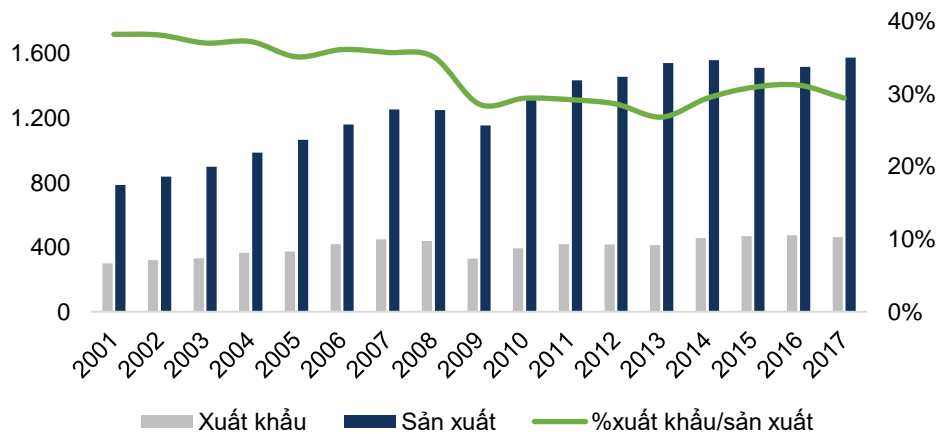
Sản xuất thép thô các khu vực trên thế giới



Nguồn: WSA, FPTS tổng hợp

Trung Quốc là quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới, chiếm gần 50% sản lượng sản xuất toàn thế giới. Trong giai đoạn 2010 đến nay, sự phát triển của ngành thép chuyển dần từ các quốc gia đã phát triển (Bắc Mỹ, châu Âu) sang các đang phát triển là Trung Quốc, Ấn Độ và hiện nay là các quốc gia Đông Nam Á. Từ năm 2005 đến năm 2017, tăng trưởng cả về nhu cầu và sản lượng sản xuất thép đã giảm mạnh lần lượt 6,2% xuống 2,5% và từ 6,8% xuống 2,1%.

Sản xuất và xuất khẩu thép thế giới (triệu tấn)

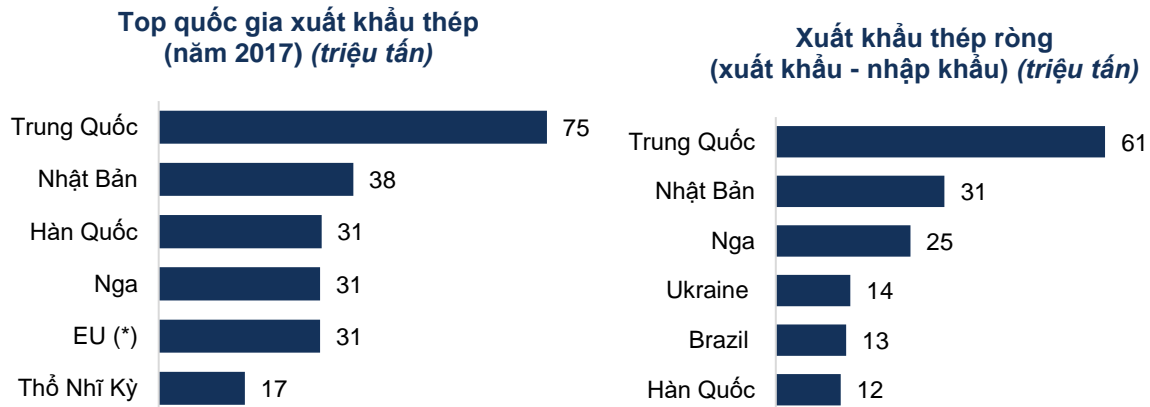


Nguồn: WSA, FPTS tổng hợp

Nguyên nhân chính làm ngành thép thế giới suy giảm là: (1) sự *chững lại trong nền kinh tế của thép Trung Quốc* làm cho nhu cầu thép không tăng trưởng và (2) sự *đẩy mạnh xuất khẩu của các cường quốc thép* do nhu cầu trong nước suy giảm (Nhật Bản, Hàn Quốc xuất khẩu tới 30 – 40% sản lượng sản xuất) ảnh hưởng tới các ngành thép của các quốc gia khác.

2. Các hoạt động xuất nhập khẩu thép

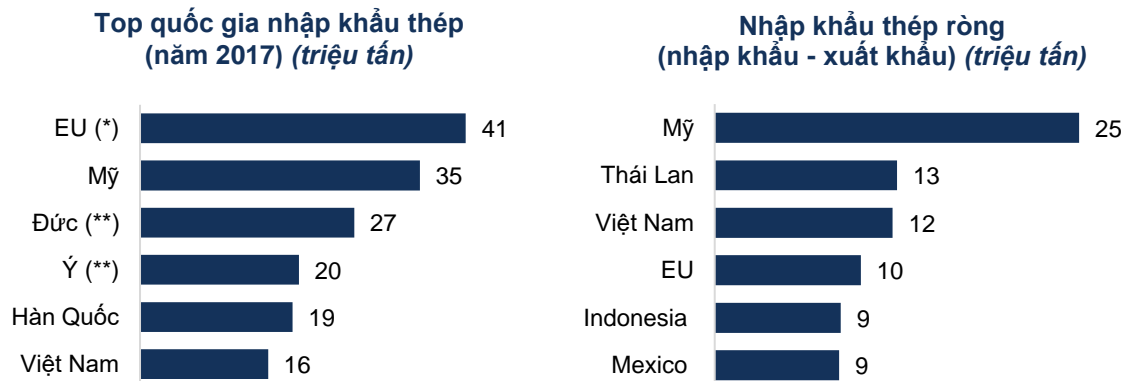
Xuất khẩu



Nguồn: WSA, FPTSS tổng hợp

Trong năm 2017, Trung Quốc vẫn là quốc gia đứng đầu thế giới về xuất khẩu thép với sản lượng 75 triệu tấn, tương đương khoảng 27% sản lượng thép xuất nhập khẩu trên thế giới. Quốc gia đứng thứ 2 là Nhật Bản, chiếm khoảng 14%. Đáng chú ý, Hàn Quốc tuy đứng thứ 3 thế giới về sản lượng xuất khẩu với 31 triệu tấn. Tuy nhiên, nếu xét về xuất khẩu thuần (xuất khẩu – nhập khẩu), Hàn Quốc chỉ đứng thứ 6 với 12 triệu tấn.

Nhập khẩu



Nguồn: WSA, FPTSS tổng hợp

Hiện tại, Mỹ vẫn là quốc gia nhập khẩu thép nhiều nhất thế giới, với sản lượng 35 triệu tấn trong năm 2017. Nhóm các nước đang phát triển, đặc biệt khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Việt Nam, Indonesia) đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh. Tại các quốc gia này, nhìn chung nhu cầu xây dựng vẫn còn rất lớn, và cần phải nhập khẩu khá nhiều sản phẩm thép.

3. Ảnh hưởng của chính sách bảo hộ của Mỹ

Mỹ là quốc gia nhập khẩu thép lớn nhất thế giới với sản lượng nhập khẩu trung bình trong 5 năm qua đạt 30 - 35 triệu tấn thép/năm. Vào tháng 7/2018, Mỹ đã chính thức áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu thông qua các biện pháp tăng thuế nhập khẩu và áp dụng hạn ngạch đối với mặt hàng thép. Cụ thể, mức thuế nhập khẩu thép 25% sẽ được áp dụng cho hầu hết các quốc gia, chỉ trừ Hàn Quốc, Brazil, Úc và Argentina, nhưng các quốc gia này vẫn sẽ phải chịu hạn ngạch nhập khẩu nhất định. Các quốc gia bị đánh thuế và miễn giảm thuế nhập khẩu thép của Mỹ:

Quốc gia	% tổng NK thép Mỹ (2017)	% tổng NK thép Mỹ (trung bình 2011 – 2017)
Được miễn giảm thuế	24,8%	24,5%
Hàn Quốc (*)	9,9%	11,3%
Brazil (*)	13,5%	11,5%
Úc	0,8%	1,2%
Argentina (*)	0,6%	0,5%
Không được miễn giảm thuế	75,2%	75,5%
Canada	16,5%	17,7%
EU	15,5%	16,6%
Mexico	9,2%	9,0%
Nga	8,3%	6,8%
Thổ Nhĩ Kỳ	5,7%	4,8%
Đài Loan	3,3%	2,7%
Ấn Độ	2,2%	2,3%
Trung Quốc	2,1%	5,2%
Việt Nam	2,0%	0,9%
Khác	10,4%	9,5%
Tổng nhập khẩu	100%	100%

Nguồn: ITA, FPTS Research

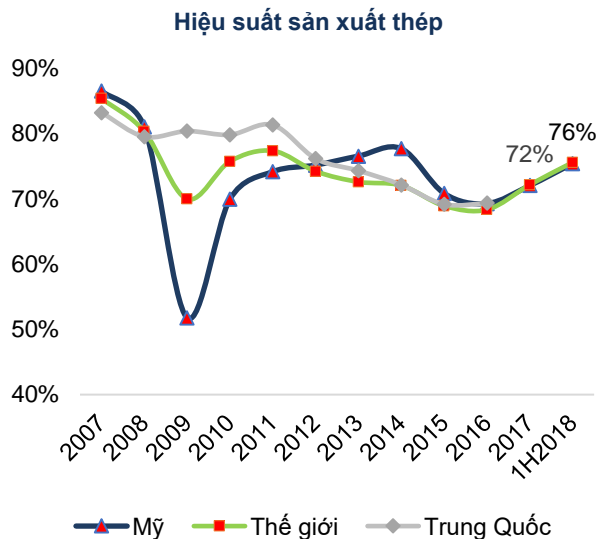
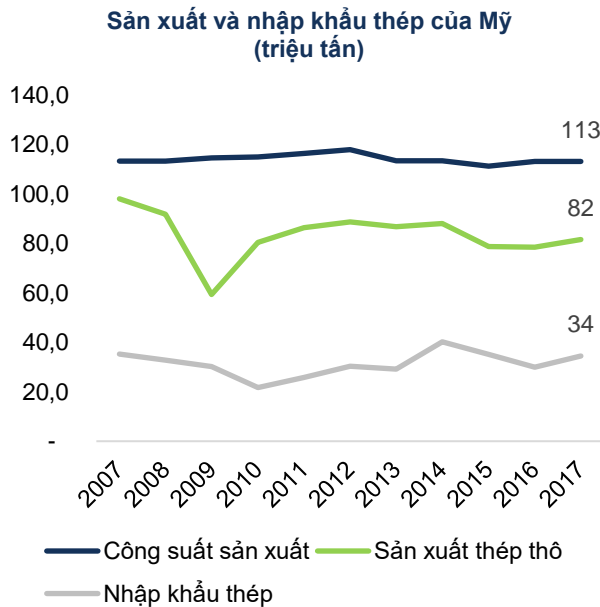
(*) Hàn Quốc, Brazil và Argentina không phải chịu mức thuế suất 25%, nhưng sẽ có hạn ngạch nhập khẩu cụ thể cho từng quốc gia. Hàn Quốc có mức hạn ngạch mức 2,68 triệu tấn/năm, tương đương với mức cắt giảm 21% so với sản lượng xuất khẩu thép sang Mỹ năm 2017. Brazil có mức hạn ngạch ở 4,1 triệu tấn/năm, tương đương với mức cắt giảm 7% so với sản lượng xuất khẩu thép sang Mỹ năm 2017.

Nhìn chung, những quốc gia bị ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đó là Canada, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ và các quốc gia thuộc khối EU. Các nhà sản xuất thép nội địa của Mỹ và các nhà sản xuất có nhà máy đặt tại các quốc gia được miễn giảm thuế sẽ được hưởng lợi từ chính sách bảo hộ. Những ảnh hưởng trực tiếp tới ngành thép Trung Quốc hay Việt Nam là chưa rõ ràng, vì lượng thép xuất nhập khẩu trực tiếp giữa các quốc gia này là không đáng kể đối với lượng xuất nhập khẩu thép của mỗi nước. Tuy nhiên, việc Mỹ áp dụng chính sách mới sẽ khiến làn sóng bảo hộ thương mại tiếp tục gia tăng ở các quốc gia và khu vực khác, dẫn đến triển vọng ngành thép trên thế giới trở nên tiêu cực hơn.

Chúng tôi sẽ phân tích ảnh hưởng của chính sách bảo hộ thương mại ngành thép tại một số quốc gia và khu vực sản xuất và tiêu thụ thép lớn trên thế giới.

3.1 Mỹ

3.1.1 Mỹ vẫn sẽ phải nhập khẩu thép trong ngắn hạn



Nguồn: WSA, SEAISI, ITA

(*) không có số liệu của Trung Quốc năm 2017 và 1H2018

Từ 2007-2017, công suất sản xuất của Mỹ không thay đổi nhiều, rơi vào khoảng 110-115 triệu tấn/năm. Hiện tại, với lượng thép tiêu thụ hàng năm khoảng 106 triệu tấn (năm 2017), Mỹ đang là quốc gia nhập khẩu thép lớn nhất thế giới với khoảng 30 – 35 triệu tấn/năm, tương đương với 7 – 8% tổng lượng thép xuất nhập khẩu trên toàn thế giới.

Trong 5 năm gần nhất, hiệu suất sản xuất bình quân ở Mỹ chỉ ở mức 72 - 75%. Theo FPTSS ước tính, tổng sản lượng thép xuất khẩu của những quốc gia chịu thuế và hạn ngạch sang Mỹ là khoảng 77% sản lượng nhập khẩu thép của Mỹ năm 2017. Nếu loại trừ hoàn toàn số sản lượng này, nước Mỹ sẽ phải sản xuất khoảng 108 triệu tấn/năm, tương đương với hiệu suất sản xuất đạt 95,5% - mức khó khả thi với một ngành công nghiệp nặng như thép, vì những yếu tố về mùa vụ cũng như yếu tố về kỹ thuật để đảm bảo hoạt động (bảo dưỡng, bảo trì, tháo dỡ, lắp ráp thay mới máy móc).

Thêm vào đó, Mỹ không có định hướng xây dựng thêm các nhà máy sản xuất thép mới. Do đó, Mỹ sẽ vẫn phải tiếp tục nhập khẩu thép, ít nhất là trong ngắn hạn khoảng 2-3 năm tiếp theo.

3.1.2 Các thị trường xuất khẩu thép sang Mỹ

Xem xét ảnh hưởng trực tiếp của chính sách bảo hộ của Mỹ:

Quốc gia	%XK thép sang Mỹ/tổng XK thép	Xếp hạng của Mỹ trong thị trường XK thép	%XK thép sang Mỹ/tổng XK thép	Xếp hạng của Mỹ trong thị trường xuất khẩu thép
	2016	2016	2017	2017
Canada	87,7%	1	89,9%	1
Brazil (*)	34,0%	1	32,8%	1
Hàn Quốc (*)	12,1%	2	11,2%	3
Mexico	72,9%	1	65,0%	1
Nga	2,3%	11	N/A	N/A
Thổ Nhĩ Kỳ	15,0%	1	10,7%	1
Nhật Bản	4,9%	7	4,7%	8
Đức	4,0%	9	N/A	N/A
Đài Loan	9,2%	3	9,6%	3
Trung Quốc	0,8%	25	1,1%	26

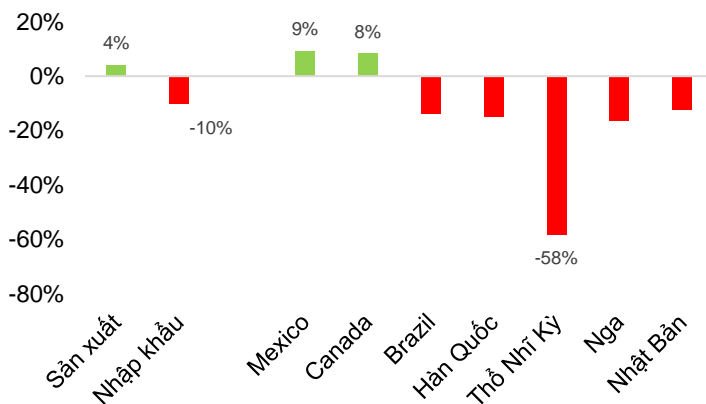
Nguồn: ITA, FPTS tổng hợp

(*) Brazil và Hàn Quốc chỉ chịu hạn ngạch nhập khẩu và được miễn thuế nhập khẩu

(**) Không có số liệu của Đức và Nga năm 2017

- **Ảnh hưởng tích cực:** các nhà sản xuất thép nội địa của Mỹ và các nhà sản xuất có nhà máy đặt tại các quốc gia được miễn giảm thuế.
- **Ảnh hưởng tiêu cực:** Thổ Nhĩ Kỳ, Đài Loan, Canada, Mexico, và các quốc gia thuộc khu vực châu Âu, do Mỹ luôn đứng đầu trong thị trường xuất khẩu thép của các quốc gia này.
- **Ảnh hưởng chưa rõ ràng:** ảnh hưởng trực tiếp tới ngành thép Trung Quốc, Nga là chưa rõ ràng, vì lượng thép xuất nhập khẩu trực tiếp giữa Trung Quốc, Nga và Mỹ là không đáng kể đối với lượng xuất nhập khẩu thép của mỗi nước.

Sản lượng sản xuất và nhập khẩu thép Mỹ (1H2018)



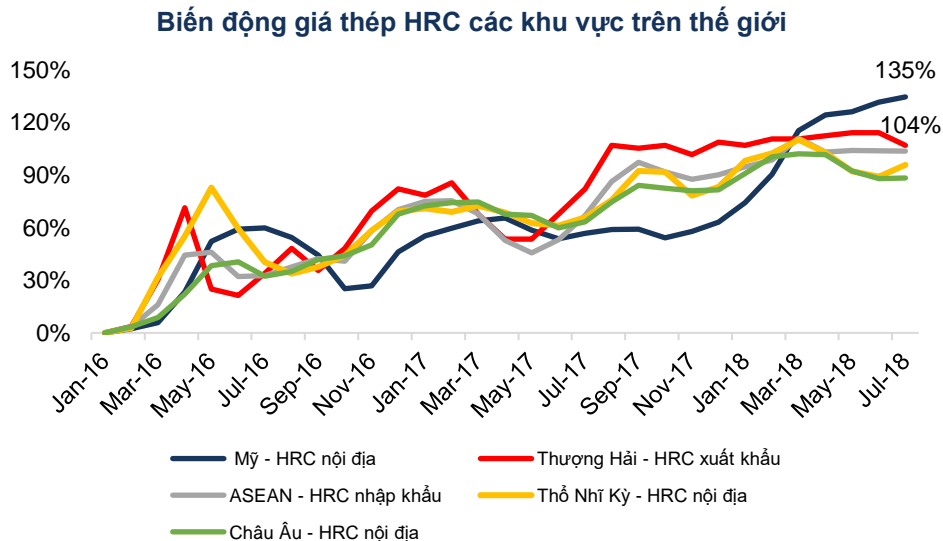
Nguồn: WSA, ITA, FPTS tổng hợp

Tính tới T7/2018, sản lượng sản xuất nội địa Mỹ tăng 4,1% so với cùng kỳ. Trong khi đó, nhập khẩu thép ở Mỹ đã giảm 10% yoy, với các quốc gia bị ảnh hưởng mạnh nhất là Thổ Nhĩ Kỳ (sụt giảm tới gần 60% sản lượng). Nhập khẩu từ các quốc gia Brazil, Hàn Quốc, Nga hay Nhật Bản cũng đã giảm 12-15% so với cùng kỳ.

Điều này phần nào đã thể hiện **tác động tiêu cực của chính sách bảo hộ của Mỹ đối với hoạt động sản xuất và nhập khẩu của quốc gia này.**

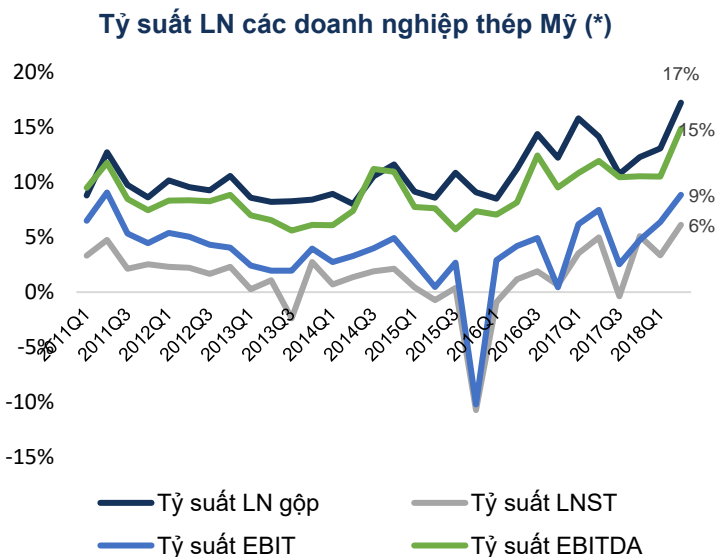
3.1.3 Ảnh hưởng tới giá thép và các doanh nghiệp sản xuất nội địa Mỹ

Giá thép tại Mỹ tăng mạnh



Nguồn: Bloomberg, FPTTS tổng hợp

Việc áp dụng chính sách bảo hộ ngành thép đã ngay lập tức có tác động vào giá thép tại Mỹ. Giá thép HRC tại Mỹ đã tăng rất nhanh chóng để điều chỉnh cho mức thuế nhập khẩu 25% được áp dụng. Tính tới tháng 7 năm 2018, mức tăng giá HRC tại Mỹ là 135% so với mức giá đầu tháng 1/2016, cao hơn tới 30 điểm phần trăm so với mức tăng giá tại các khu vực khác. Hiện tại, giá thép HRC tại Mỹ đã đạt hơn 1.000 USD/tấn, mức cao nhất kể từ tháng 10/2008.



Giá thép tăng kết hợp với cạnh tranh từ thép nhập khẩu giảm xuống đã ảnh hưởng tích cực tới lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất thép nội địa ở Mỹ. Mức đáy thấp nhất là tại trong năm 2015 khi Trung Quốc, Hàn Quốc đẩy mạnh xuất khẩu sang Mỹ, tỷ suất EBIT hay EBITDA các doanh nghiệp Mỹ âm tới 5 – 10%.

Sau khi thuế nhập khẩu được áp dụng, tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp này đã tăng rất mạnh. Đây cũng chính là nhóm đối tượng được ảnh hưởng tích cực nhất từ chính sách của Mỹ.

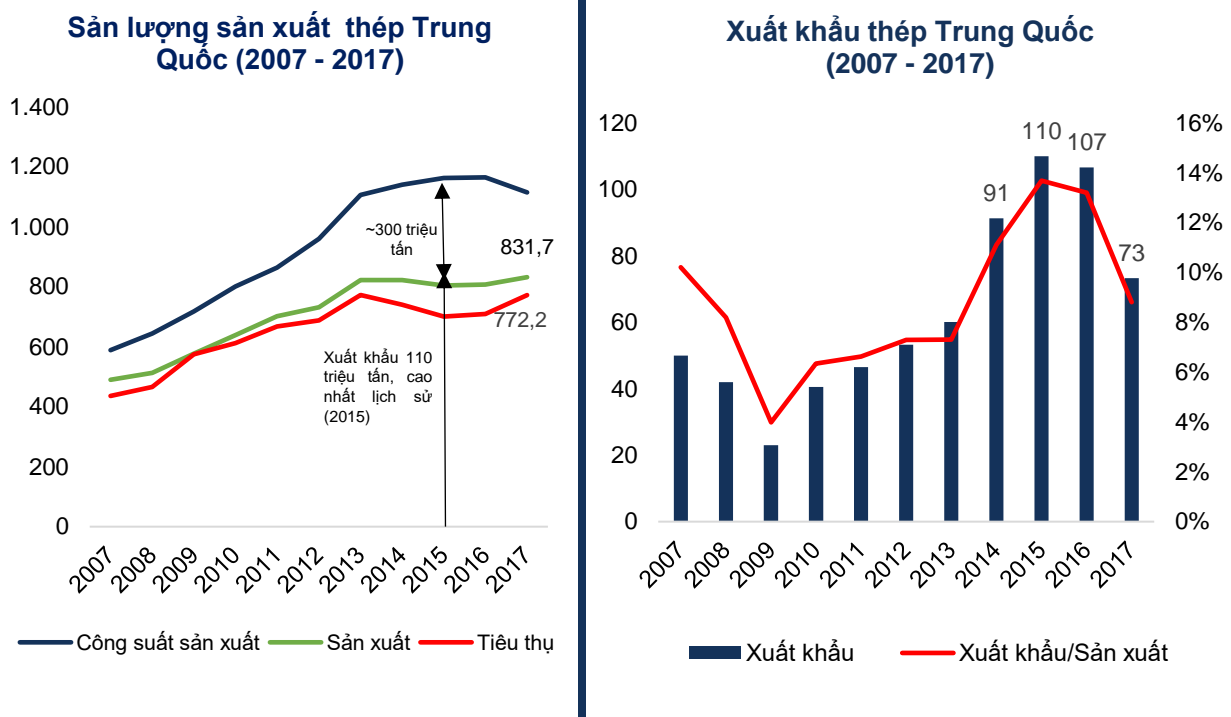
(*) bao gồm: AK Steel, Allegheny Technologies, Commercial Metals, Steel Dynamics, Nucor, United States Steel và Universal Stainless & Alloy Products

Nguồn: Bloomberg, FPTTS tổng hợp

3.2 Trung Quốc

3.2.1 Chênh lệch cung cầu được cải thiện rõ rệt từ năm 2015

Trong giai đoạn 2007 – 2014, hoạt động xây dựng nhà máy thép ở Trung Quốc diễn ra rất mạnh, công suất sản xuất toàn ngành nhanh chóng tăng từ chỉ khoảng 600 triệu tấn/năm (năm 2007) lên gần gấp đôi, 1,14 tỷ tấn/năm (năm 2014). Sản lượng sản xuất thực tế của Trung Quốc cũng tăng rất nhanh chóng trong khoảng thời gian này, từ 500 triệu tấn năm 2007 lên 800 triệu tấn trong năm 2014. Lượng thép tiêu thụ trong giai đoạn này tăng rất mạnh từ 400 triệu tấn lên 700 triệu tấn chỉ trong 7 năm.



Nguồn: WSA, ITA, FPTTS tổng hợp

Tuy nhiên, từ giai đoạn 2015 tới nay, nhu cầu tiêu thụ thép của Trung Quốc đã chậm lại và chỉ rơi vào khoảng 750 triệu tấn/năm, trong khi sản xuất vẫn tiếp tục gia tăng. Điều này đã khiến Trung Quốc phải đẩy mạnh xuất khẩu sang các quốc gia khác. Đỉnh điểm vào năm 2015, Trung Quốc đã xuất khẩu gần 110 triệu tấn thép, chiếm đến 14% sản lượng sản xuất, và đã nhận phải những khiếu nại của các quốc gia khác khi họ cho rằng Trung Quốc đã bán phá giá các mặt hàng này. Đây là tiền đề để Mỹ áp dụng các biện pháp bảo hộ thương mại cho mặt hàng thép trong năm 2018.

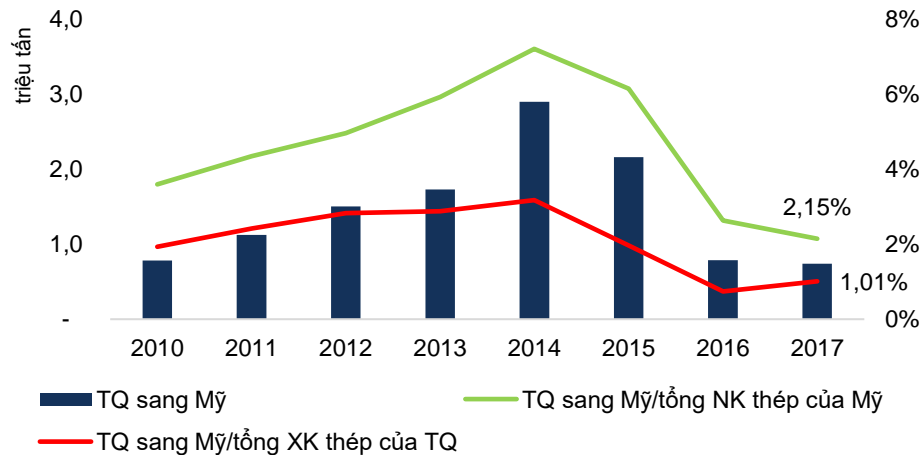
Từ năm 2016, với các hoạt động cắt giảm công suất của chính phủ Trung Quốc, sản lượng xuất khẩu thép của Trung Quốc đã giảm 30% từ năm 2015 cho tới 2017, hiện chỉ còn hơn 70 triệu tấn. Hiện nay, hiệu suất sử dụng nhà máy cũng đã được nâng lên mức xấp xỉ 80%, và tỷ lệ tiêu thụ xuất khẩu/tổng sản lượng chỉ rơi vào mức khoảng 9%. Nhìn chung, ngành thép Trung Quốc đã bước qua giai đoạn tăng trưởng nhanh và bước vào giai đoạn bão hòa. Lượng thép sản xuất trong thời gian tới sẽ không tăng trưởng nhanh như giai đoạn 2007 – 2014. Theo ước tính, công suất cho tới 2020 sẽ giảm xuống 1 tỷ tấn/năm, chủ yếu sẽ được tiêu thụ nội địa và lượng xuất khẩu sẽ dao động ở mức 80 triệu tấn/năm.

3.2.2 Các thị trường xuất khẩu thép của Trung Quốc - ảnh hưởng trực tiếp từ bảo hộ thương mại của Mỹ là không trọng yếu

Xuất khẩu thép từ Trung Quốc sang Mỹ không đáng kể

Năm 2017, lượng thép xuất khẩu trực tiếp từ Trung Quốc sang Mỹ chỉ chiếm khoảng 0,74 triệu tấn – tương đương 1,1% tổng xuất khẩu thép của Trung Quốc, và 2,1% tổng nhập khẩu thép của Mỹ. Tính cho giai đoạn 2010 – 2017, Mỹ chưa bao giờ chiếm quá 4% tổng sản lượng xuất khẩu thép của Trung Quốc. nên ảnh hưởng trực tiếp của chính sách bảo hộ của Mỹ với Trung Quốc là không đáng kể.

Xuất khẩu thép Trung Quốc sang Mỹ



Nguồn: WSA, ITA, FPTTS Research tổng hợp

Trường hợp xuất khẩu của Trung Quốc gián tiếp sang Mỹ thông qua nước thứ 3

Top 10 Trung Quốc xuất khẩu	Top 10 Mỹ nhập khẩu
Hàn Quốc	Canada
Việt Nam	Brazil
Philippines	Hàn Quốc
Thái Lan	Mexico
Indonesia	Thổ Nhĩ Kỳ
Ấn Độ	Nhật Bản
Malaysia	Nga
Pakistan	Đức
Hồng Kông	Đài Loan
Myanmar	Việt Nam
~ 53% tổng XK thép của Trung Quốc	~ 77% tổng NK thép của Mỹ

Nguồn: IHS Global Trade Atlas, ITA

Chỉ có Hàn Quốc và Việt Nam là cùng xuất hiện ở Trong cơ cấu top 10 quốc gia Trung Quốc xuất khẩu thép và top 10 quốc gia Mỹ nhập khẩu năm 2017.

Tổng lượng thép xuất khẩu của Hàn Quốc và Việt Nam sang Mỹ trong khoảng thời gian 2010 – 2017 chiếm khoảng 11 - 13% lượng thép nhập khẩu của Mỹ, và khoảng 3,5% tổng lượng thép tiêu thụ của Mỹ. Đáng chú ý, Hàn Quốc lại nằm trong danh sách các quốc gia miễn trừ thuế (tuy vẫn phải chịu hạn ngạch).

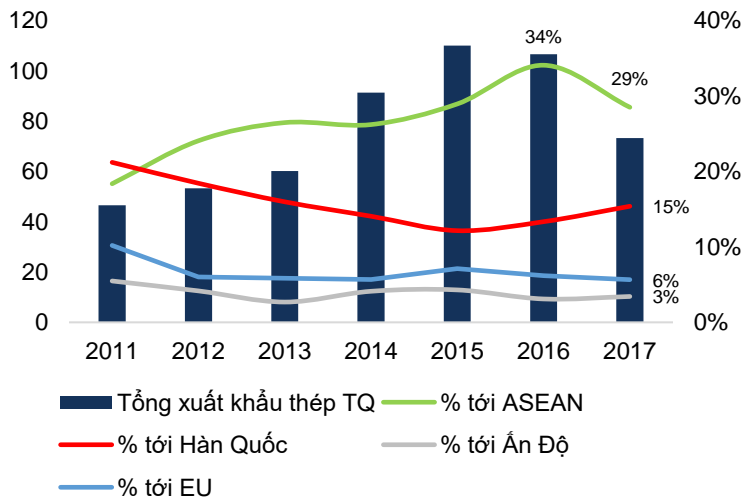
Như vậy, nhìn chung:

- Trung Quốc xuất khẩu thép trực tiếp sang Mỹ không đáng kể.
- Ảnh hưởng tới lượng xuất khẩu gián tiếp sang Mỹ (nếu có) là không rõ ràng.

3.2.3 Các thị trường xuất khẩu chính của Trung Quốc là Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á

Kể từ năm 2015, xuất khẩu thép của Trung Quốc đã giảm mạnh do các mức thuế tự vệ và thuế chống bán phá giá mà Mỹ và EU đã áp dụng cho các sản phẩm thép thành phẩm của Trung Quốc. Điều này đã khiến lượng thép xuất khẩu này chuyển dịch sang khu vực Đông Nam Á, chiếm 34% tổng xuất khẩu thép của Trung Quốc trong năm 2016 và giảm xuống 29% trong năm 2017. Thị trường tiêu thụ đứng thứ 2 trong cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc là Hàn Quốc, chiếm 15% tương đương với mức 11 triệu tấn trong 2017. Khu vực EU hiện chỉ chiếm 6% trong cơ cấu xuất khẩu thép của Trung Quốc.

Cơ cấu xuất khẩu thép Trung Quốc theo quốc gia và khu vực

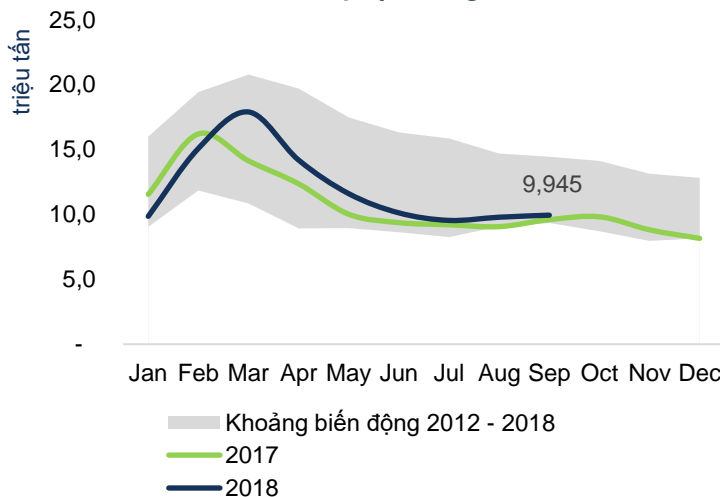


Hiện tại, với quy mô nhu cầu thép vẫn đang tăng trưởng của ASEAN, thị trường này vẫn có thể hấp thụ được 1 triệu tấn thép từ Trung Quốc sang Mỹ chuyển hướng.

Tuy nhiên, Mỹ đã đưa ra cảnh báo đối với thép nhập khẩu có nguồn gốc từ Trung Quốc từ Việt Nam và các thị trường ASEAN khác. Mỹ đã cáo buộc Trung Quốc xuất khẩu thép thông qua một quốc gia khác để ngụy trang nguồn gốc xuất xứ.

Trong trường hợp ASEAN không hấp thụ được, lượng 1 triệu tấn thép sẽ được tăng thêm vào nguồn cung nội địa của Trung Quốc. Hiện tại, thép tồn kho nội địa Trung Quốc ước tính khoảng 10 triệu tấn, đang ở mức khá thấp trong giai đoạn 6 – 7 năm trở lại đây. Vì vậy 1 triệu tấn (tương đương mức tăng 10%, và sẽ tăng theo giai đoạn) **sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động xuất khẩu thép của Trung Quốc.**

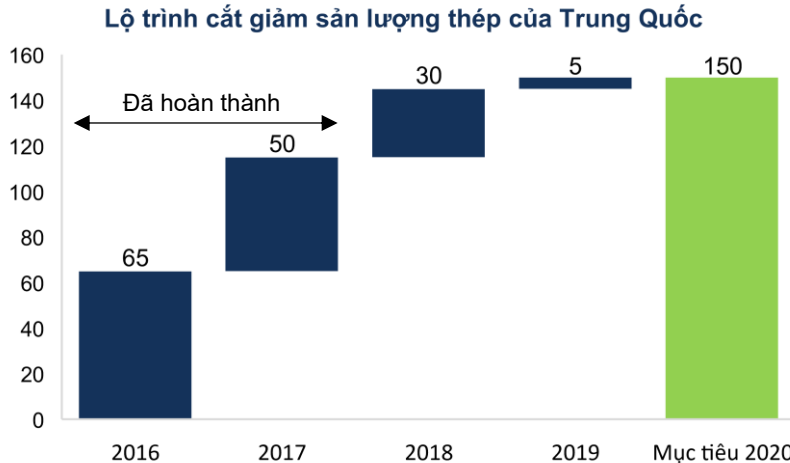
Tồn kho thép tại Trung Quốc



Nguồn: ITA, IHS Global Trade Atlas, Bloomberg, FPTS Research

3.2.4 Kế hoạch tái cơ cấu ngành thép của chính phủ Trung Quốc diễn ra hiệu quả

Nhằm giải quyết tình trạng dư thừa công suất và giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, vào năm 2016, chính phủ Trung Quốc đã đưa ra kế hoạch tái cấu trúc ngành thép, với mục tiêu cắt giảm 150 triệu tấn thép (~13% công suất thiết kế hiện tại) và 800 triệu tấn công suất than cho tới năm 2020.



Hoạt động cắt giảm đã được diễn ra rất quyết liệt vào 2016 và 2017. Đầu năm 2018, chính phủ Trung Quốc thông báo đã cắt giảm thành công 65 triệu tấn trong năm 2016 và 50 triệu tấn công suất trong năm 2017, tương đương với 76% kế hoạch cắt giảm sản lượng cho tới năm 2020.

Chính phủ Trung Quốc đang có những hành động rất quyết liệt để đạt được mục tiêu này, chủ yếu thông qua 2 biện pháp:

- đóng cửa các nhà máy sản xuất thép quy mô nhỏ và kém hiệu quả.
- thực hiện sáp nhập các tập đoàn sản xuất thép lớn nhất.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2020
Thị phần 10 nhà sản xuất lớn nhất	34%	≥ 60%
Công suất sản xuất (tấn/năm)	1,13 tỷ	≤ 1 tỷ
Hiệu suất sản xuất	70%	≥ 80%
Khí thải SO ₂ /tấn thép	0,85%	≤ 0,68%
Tiêu thụ than/tấn thép	572kg	≤ 560kg

Nguồn: MIIT, Bloomberg

Đối với thị phần của 10 nhà sản xuất thép lớn nhất Trung Quốc, để đạt mục tiêu 60% tổng số của cả nước, một loạt các vụ M&A đã xảy ra và dự kiến sẽ tiếp tục diễn ra mạnh hơn trong thời gian tới.

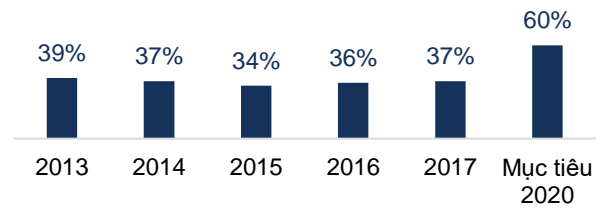
Top 10 nhà sản xuất thép lớn nhất Trung Quốc

Doanh nghiệp	Sản lượng 2015	Doanh nghiệp	Sản lượng 2017
Hesteel	47,7	Baowu	65,4
Baosteel (*)	34,9	Hesteel	45,6
Shagang	34,2	Shagang	38,4
Ansteel	32,5	Ansteel	35,8
Shougang	28,6	Shougang	27,6
Wuhan (*)	25,8	Shandong	21,7
Shandong	21,7	Jianlong	20,3
Maanshan	18,8	Valin	20,2
Tianjin Bohai	16,3	Maanshan	19,7
Jianlong	15,1	Benxi	15,8
Tổng	275,6		310,3

(*) Trong năm 2016, Baoshan Iron&Steel đã sáp nhập với Wuhan Iron&Steel, tạo ra nhà máy thép lớn thứ hai thế giới: Baowu Steel Group. Khoảng 10 triệu tấn thép công suất đã được dỡ bỏ trong quá trình này và tổng cộng 15,4 triệu tấn đã được cắt giảm vào năm 2017.

Năm	Doanh nghiệp	Tình trạng
2015	Songting	Phá sản
2016	ShandongHuayan	
2013	Fangda Pingxiang	Sáp nhập
2015	Angang LISCO	
2016	Baosteel Wuhan	

Thị phần top 10 nhà sản xuất TQ

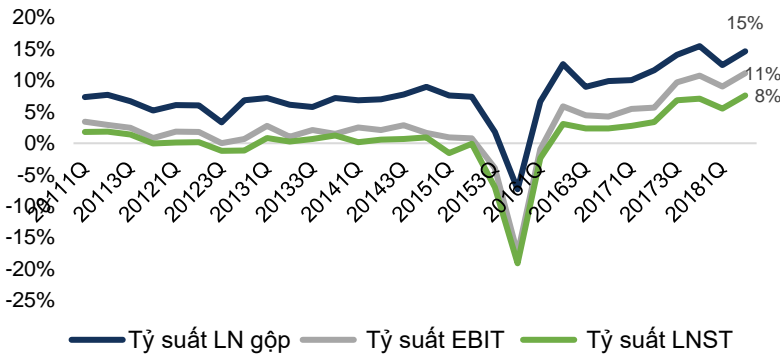


Nguồn: Bloomberg, MIIT, FPTS tổng hợp

3.2.5 Các doanh nghiệp sản xuất thép nội địa Trung Quốc

Kết quả kinh doanh khởi sắc trở lại

Tỷ suất lợi nhuận doanh nghiệp thép Trung Quốc (*)



(*) bao gồm 27 doanh nghiệp sản xuất thép của Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, FPTS Research

Xu hướng đầu tư vào các quốc gia khác

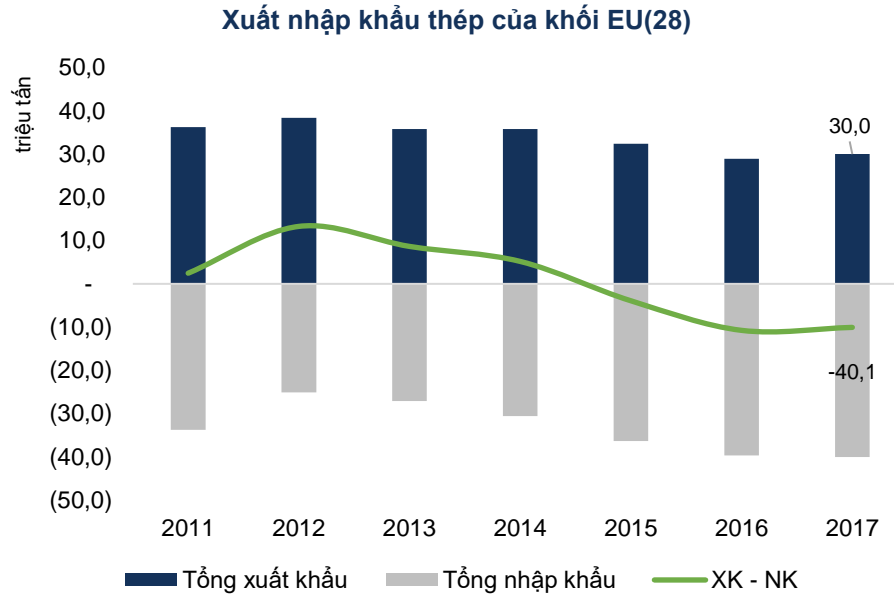
Các doanh nghiệp Trung Quốc cũng đẩy mạnh việc đầu tư ra nước ngoài với mức đầu tư khoảng 4 tỷ USD trong giai đoạn 2013 – 2016, tại ASEAN, châu Phi, và châu Âu. Mục đích là tiềm năng ở các khu vực tăng trưởng nhanh, tiếp thu công nghệ và mở rộng chuỗi giá trị sang các khu vực phát triển.

Năm	Doanh nghiệp	Đầu tư	Khu vực
T4/2013	WISCO	Liên doanh với TBEA, thiết lập kênh phân phối 20 nghìn tấn thép/năm	Ấn Độ
T6/2013	WISCO	Mua lại nhà máy thép hàn laser của ThyssenKrupp	Đức
T5/2014	Maanshan Steel	Đấu thầu mua nhà máy sản xuất thép Sasvaldunes	Pháp
T9/2014	Hebei Steel	Đầu tư khu liên hợp sản xuất 5 triệu tấn/năm	Nam Phi
T9/2015	Hebei Steel	Mua lại Duferco (thương mại 20 triệu tấn/năm)	Châu Âu
T7/2015	Delong Steel	Liên doanh, thiết lập kênh phân phối 600 nghìn tấn thép tấm/năm	Thái Lan
T4/2015	Hebei Steel	Mua lại Zelezara Steel (sản xuất 1 triệu tấn/năm)	Serbia
T4/2015	Shandong Steel	Mua mỏ quặng sắt Tonkolli, sản lượng 20 triệu tấn/năm	Sierra Leone
2015	Wenfeng Group	Mua mỏ quặng sắt công suất 1.5 triệu tấn/năm	Chile
2016	Yongcheng	Đầu tư nhà máy sản xuất 2 triệu tấn/năm	Indonesia
2016	Qinghuangdao	Đầu tư nhà máy sản xuất 300 nghìn tấn/năm	Lào

Nguồn: McKinsey, Bloomberg

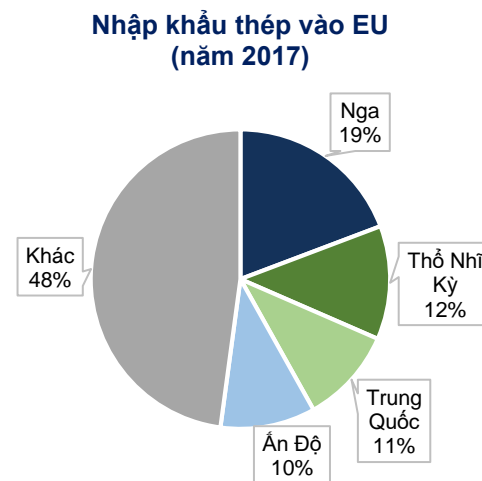
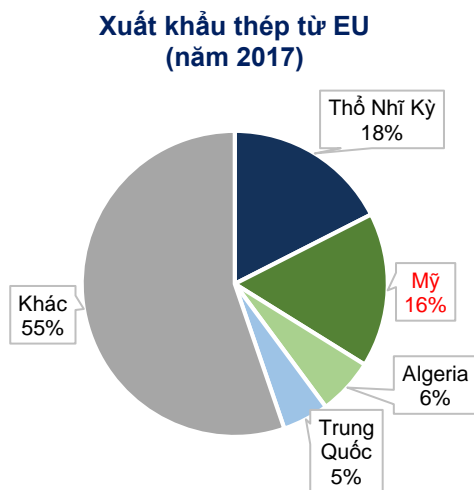
3.3 Khu vực châu Âu (EU)

Trong giai đoạn 2009 – 2014, khu vực châu Âu luôn xuất siêu thép, với sản lượng xuất khẩu khoảng 30 triệu tấn/năm và nhập khẩu khoảng 25 triệu tấn/năm. Tuy nhiên, từ năm 2015 tới nay, khu vực châu Âu đã phải nhập siêu thép do Trung Quốc và Hàn Quốc tăng cường hoạt động xuất khẩu.



Nguồn: WSA, Eurofer, FPTS tổng hợp

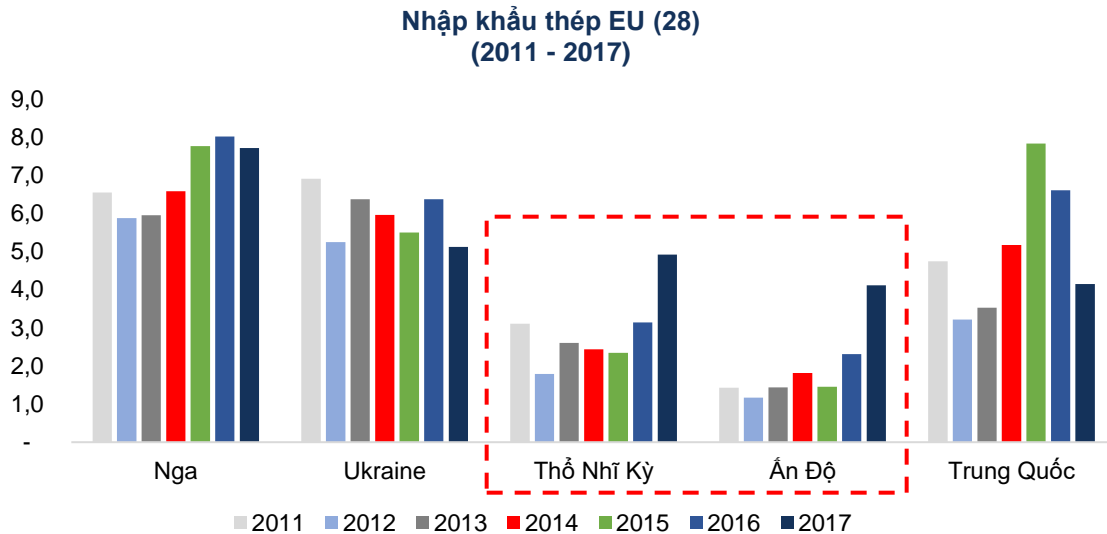
Các thị trường xuất khẩu chính của EU là Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ, Algeria và Trung Quốc – chiếm khoảng 45% tổng xuất khẩu năm 2017 của khối EU. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của EU (16% tổng xuất khẩu), vì vậy **chính sách bảo hộ của Mỹ sẽ có tác động tiêu cực đáng kể tới EU.**



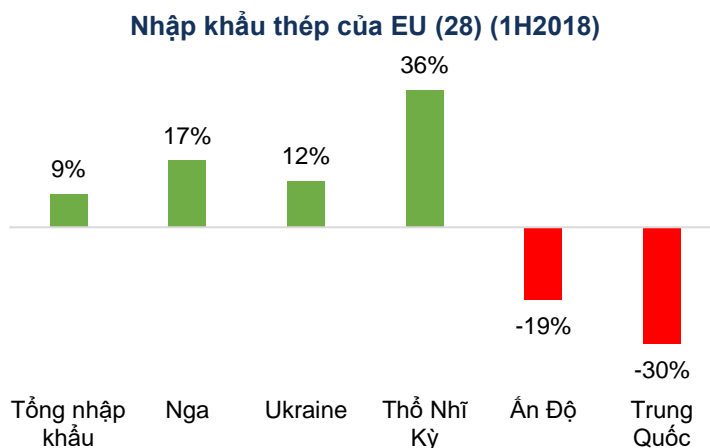
Nguồn: ITA, Eurofer, FPTS tổng hợp

Nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ tăng nhanh

Trong cả giai đoạn 2011 – 2017, lượng thép nhập khẩu vào EU đến từ Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Trung Quốc sau lượng thép dư thừa khổng lồ năm 2015 cũng đã giảm bớt các hoạt động xuất khẩu. Năm 2017, nhập khẩu chiếm 18% lượng tiêu thụ thép của EU. Lượng nhập khẩu này đến từ Nga (19%), Thổ Nhĩ Kỳ (12%), Trung Quốc (10%) và Ấn Độ (10%) - đóng góp 51% tổng lượng thép nhập khẩu vào EU).



Nguồn: ITA, IHS, FPTS tổng hợp



Xét trong nửa đầu năm 2018, nhập khẩu thép vào EU tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017, mức tăng cao nhất tính từ năm 2007.

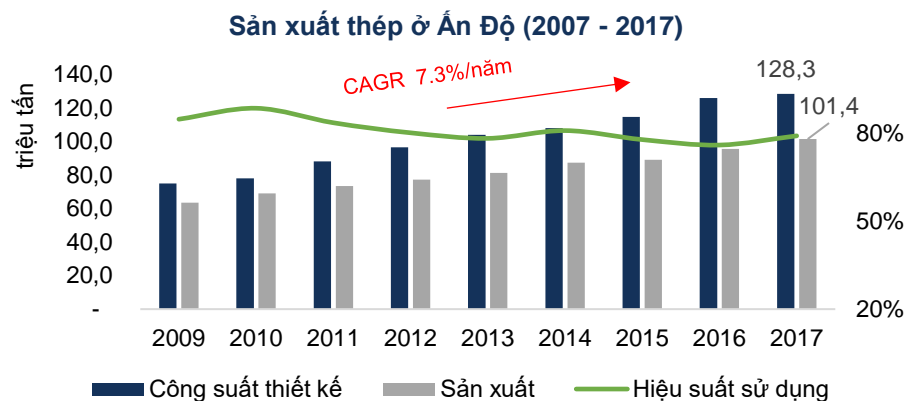
Lượng thép nhập khẩu tăng lên này đến từ Nga (+17% yoy), Ukraine (+12% yoy) và đáng chú ý nhất là Thổ Nhĩ Kỳ (+36% yoy). Lượng thép nhập khẩu từ Ấn Độ và Trung Quốc đã giảm xuống đáng kể, lần lượt -19% và -30% so với cùng kỳ.

Nguồn: IHS, FPTS tổng hợp

Để đáp lại chính sách bảo hộ của Chính phủ Mỹ và ngăn ngừa lượng thép xuất khẩu sang Mỹ bị đánh thuế chuyển hướng sang khu vực EU, EU đã áp dụng các biện pháp tự vệ tạm thời vào ngày 19/7/2017. Dự kiến mức thuế nhập khẩu 25% sẽ được áp dụng đối với các sản phẩm thép có sản lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch trung bình của 3 năm gần nhất. **Chính sách này sẽ có ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp tới Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ.**

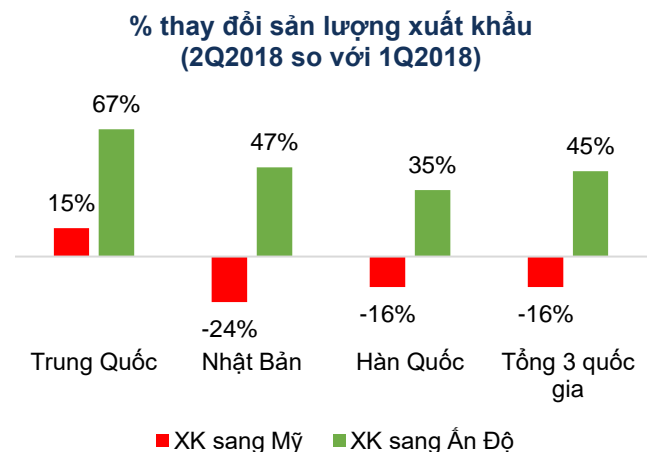
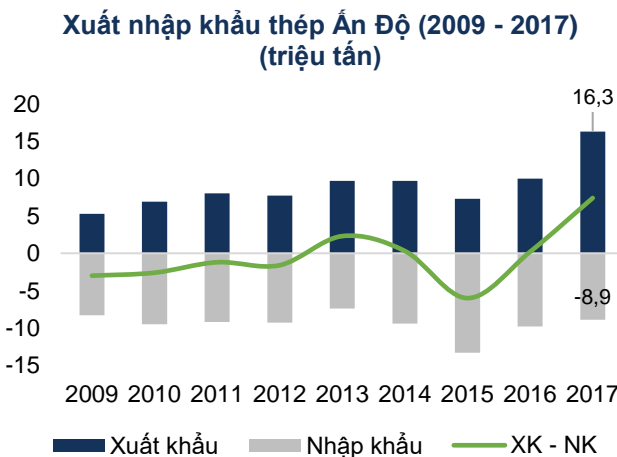
3.4 Ấn Độ

Ấn Độ hiện là một trong những nền kinh tế lớn phát triển nhanh nhất thế giới, và có nhu cầu thép tăng nhanh khi hoạt động xây dựng và sản xuất đang phát triển mạnh. Từ 2010 tới nay, sản lượng thép sản xuất tại Ấn Độ đã tăng trưởng với tốc độ trung bình 7,3%/năm, đạt mức hơn 100 triệu tấn/năm. Hiện nay, Ấn Độ đã vượt qua Mỹ để trở thành quốc gia sản xuất thép lớn thứ ba trên thế giới. Trong kế hoạch phát triển ngành thép của chính phủ Ấn Độ, quốc gia này dự kiến sẽ vượt Nhật Bản để trở thành nhà sản xuất thép lớn thứ hai thế giới, với sản lượng 300 triệu tấn/năm vào năm 2030.



Nguồn: ITA, IHS, FPTS Research

Từ năm 2009 - 2014, Ấn Độ đã dần thay đổi từ một quốc gia nhập khẩu thép ròng thành xuất khẩu thép ròng. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của Ấn Độ là Nepal và EU, thị trường nhập khẩu chủ yếu là từ Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản.



Nguồn: ITA, IHS, FPTS Research

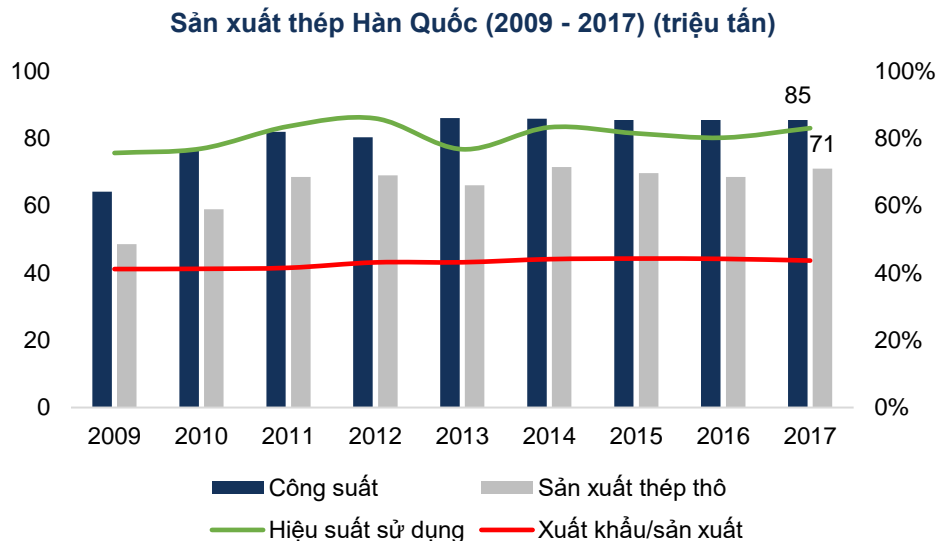
Đáng chú ý, lượng thép nhập khẩu vào Ấn Độ từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản – các đối tác đã ký FTA với Ấn Độ – đã tăng rất mạnh trong Q2/2018, sau khi những thông tin về bảo hộ của Mỹ được đưa ra. So với Q1/2018, xuất khẩu từ 3 quốc gia này sang Mỹ đã giảm 16%, và tăng tới 45% tại Ấn Độ.

Điều này cho thấy Ấn Độ nhiều khả năng sẽ trở thành mục tiêu xuất khẩu mới của các nhà sản xuất thép châu Á và ngành thép nội địa của họ sẽ đứng trước áp lực không hề nhỏ. Hiện tại, chính phủ Ấn Độ đã tăng cường bảo hộ bằng cách áp thuế nhập khẩu tối thiểu và điều tra các vụ bán phá giá với sản phẩm thép từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Brazil và Indonesia.

3.5 Hàn Quốc

Sản lượng sản xuất ở mức ổn định

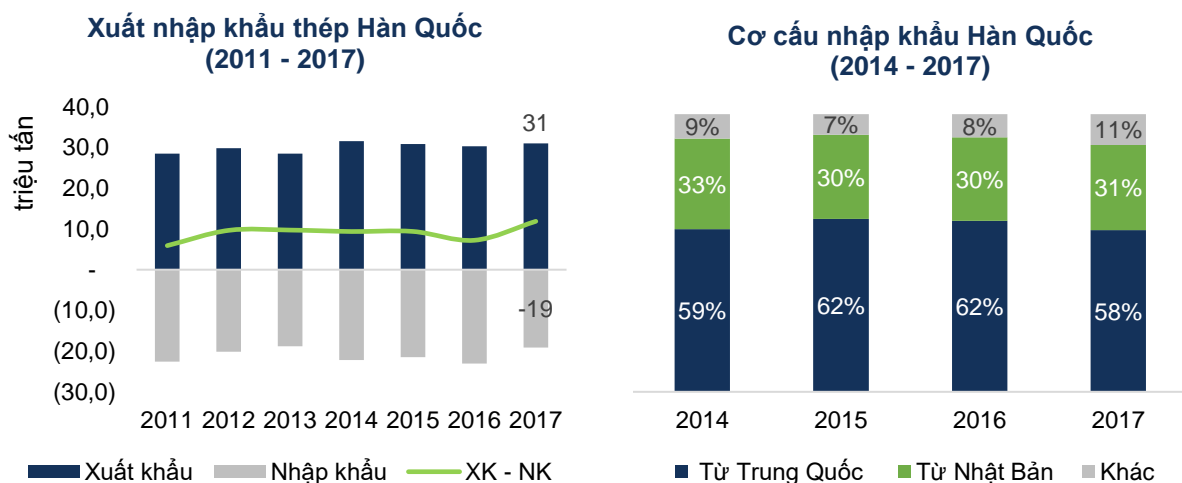
Tính từ năm 2011 tới nay, sản lượng thép sản xuất của Hàn Quốc gần như đi ngang ở mức 70 triệu tấn/năm, và có khoảng 45% được xuất khẩu đi các quốc gia khác – tương đương 30 triệu tấn/năm. Ngành thép của Hàn Quốc có thể nói đã ở trong trạng thái bão hòa và động lực tăng trưởng về sản xuất hay xuất khẩu trong thời gian tới là không nhiều. Hiện nay, Hàn Quốc là quốc gia sản xuất thép và xuất khẩu thép lớn thứ tư thế giới.



Nguồn: WSA, ITA, FPTTS tổng hợp

Nhập khẩu thép chủ yếu từ Trung Quốc và Nhật Bản

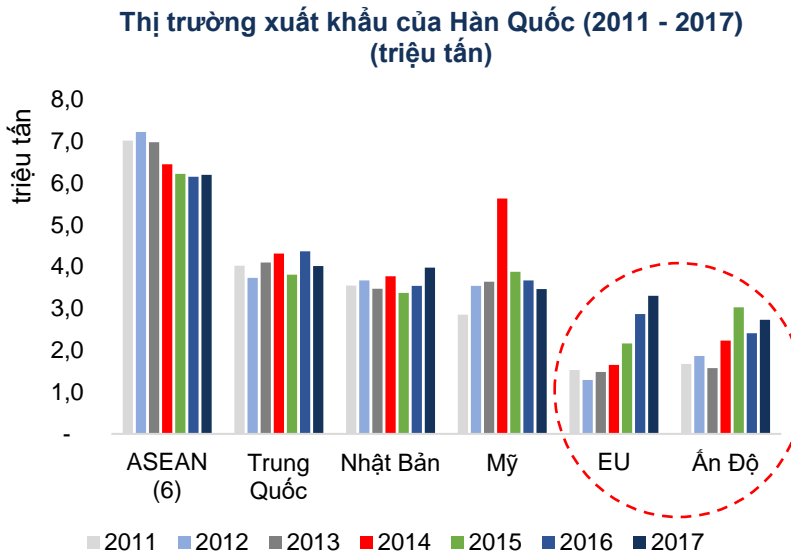
Từ năm 2014 tới nay, Hàn Quốc luôn là đối tác xuất nhập khẩu thép lớn nhất của Trung Quốc. Khoảng 60% lượng thép nhập khẩu của Hàn Quốc là đến từ Trung Quốc, 30% đến từ Nhật Bản và phần còn lại đến từ các quốc gia khác. Tỷ trọng này nhiều khả năng sẽ không thay đổi nhiều trong tương lai.



Nguồn: ITA, IHS, FPTTS tổng hợp

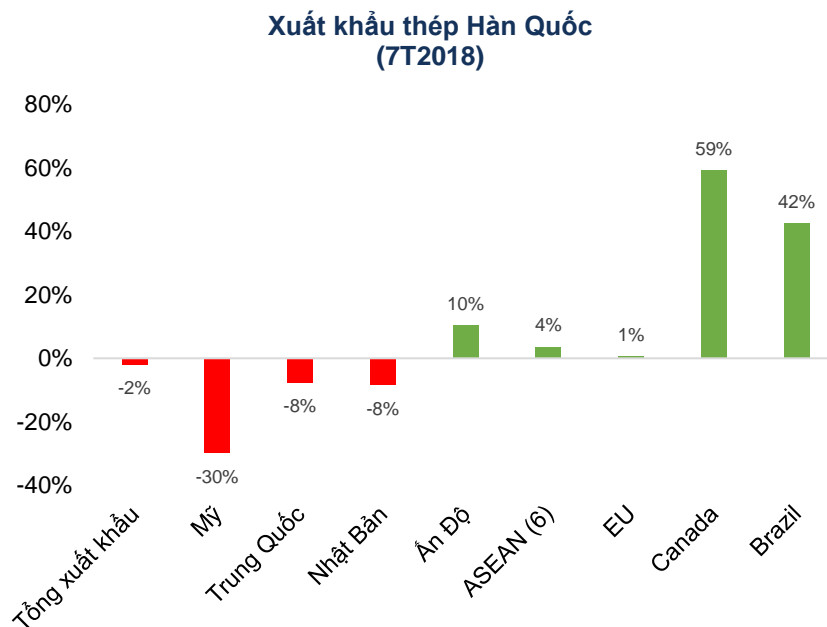
Chuyển hướng xuất khẩu sang Ấn Độ, Canada và Brazil

Trong giai đoạn 2011- 2017, lượng thép xuất khẩu của Hàn Quốc sang Mỹ là khoảng 3,5 triệu tấn/năm. Với việc Mỹ áp dụng hạn ngạch nhập khẩu 2,68 triệu tấn/năm với Hàn Quốc, dự kiến sẽ có khoảng 1 triệu tấn thép dư thừa của Hàn Quốc chuyển hướng sang các thị trường khác.



Xét trong giai đoạn 2011 – 2017, thị trường xuất khẩu thép của Hàn Quốc có mức tăng trưởng nhiều nhất đó là EU và Ấn Độ. Tuy nhiên, EU đã áp dụng chính sách tự vệ thương mại đối với các sản phẩm thép nên tiềm năng từ thị trường này với Hàn Quốc là không nhiều.

Xét trong 7 tháng đầu năm 2018, lượng thép xuất khẩu của Hàn Quốc giảm 2% so với cùng kỳ. Dưới tác động của chính sách của Mỹ, lượng thép xuất khẩu vào đây đã giảm 30%. Cùng với đó, lượng thép xuất khẩu vào thị trường lớn như Trung Quốc và Nhật Bản cũng đã giảm 8% so với cùng kỳ. Thị trường ASEAN và EU gần như không có biến động nhiều.



Lượng thép xuất khẩu tăng nhiều nhất là ở Ấn Độ (+10% yoy), Canada (+59% yoy) và Brazil (+42% yoy). Đáng chú ý, Brazil là quốc gia không phải chịu thuế nhập khẩu, còn Canada đang là quốc gia xuất khẩu thép sang Mỹ nhiều nhất. **Đây nhiều khả năng sẽ là các thị trường mục tiêu trong thời gian tới của Hàn Quốc.**

(*) ASEAN (6) bao gồm Thái Lan, Việt Nam, Indonesia, Malaysia và Singapore

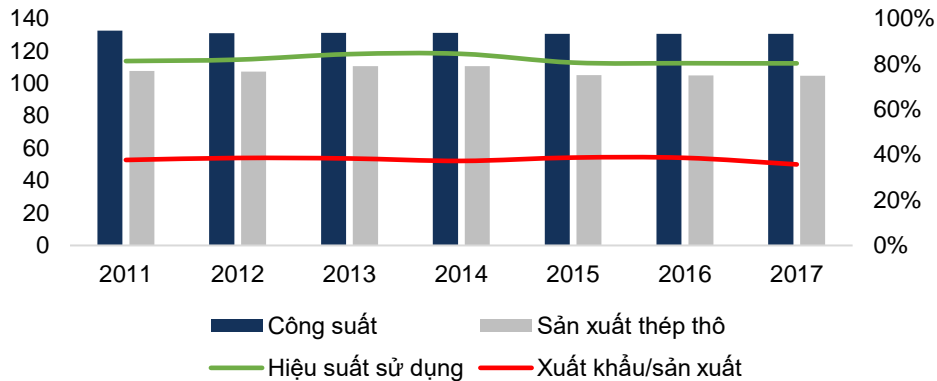
Nguồn: WSA, IHS, FPTTS tổng hợp

3.7 Nhật Bản

Sản lượng sản xuất và xuất khẩu ở mức ổn định

Hiện nay, Nhật Bản là quốc gia sản xuất thép và xuất khẩu thép lớn thứ hai thế giới. Tính từ năm 2011 tới nay, sản lượng thép sản xuất của Nhật Bản gần như đi ngang ở mức 100 - 105 triệu tấn/năm, và có khoảng 35 - 40% được xuất khẩu đi các quốc gia khác – tương đương 40 triệu tấn/năm. Ngành thép của Nhật Bản đã trong trạng thái bão hòa và động lực tăng trưởng là không nhiều.

Sản xuất thép của Nhật Bản (2011 - 2017) (triệu tấn)

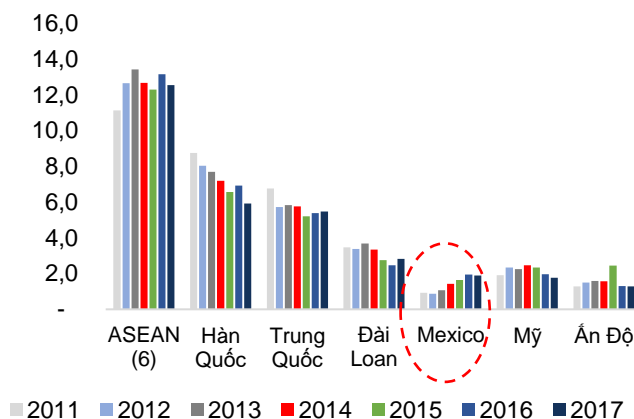


Nguồn: WSA, OECD, FPTTS tổng hợp

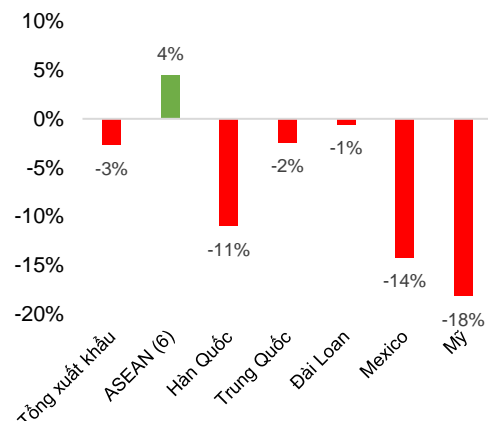
Thị trường xuất khẩu chính là ASEAN, Hàn Quốc, Trung Quốc và Đài Loan

Trong giai đoạn 2011- 2017, lượng thép xuất khẩu của Nhật Bản sang Mỹ là khoảng 2 triệu tấn/năm (tương đương 5% xuất khẩu) và sang EU là không đáng kể. Do đó việc 2 thị trường này áp dụng các chính sách bảo hộ **không ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động xuất khẩu của Nhật Bản**.

Thị trường xuất khẩu của Nhật Bản (2011 - 2017) (triệu tấn)



Xuất khẩu thép Nhật Bản (7T2018)



(*) ASEAN (6) bao gồm Thái Lan, Việt Nam, Indonesia, Malaysia và Singapore

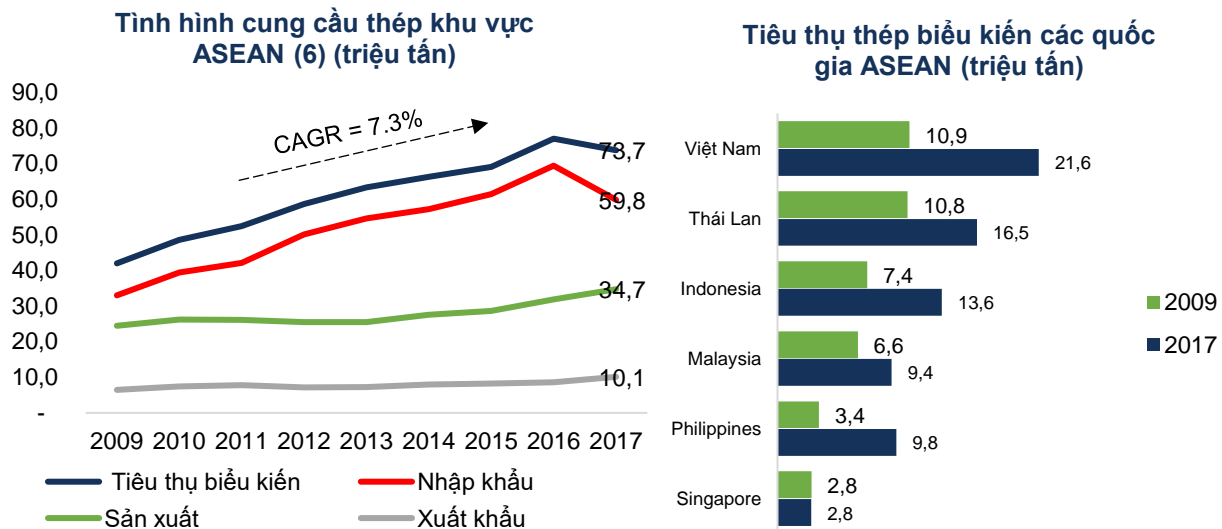
Nguồn: ITA, IHS, FPTTS tổng hợp

Trong 7 tháng đầu năm 2018, lượng thép xuất khẩu của Nhật Bản đã giảm 3% so với cùng kỳ, với các thị trường như Hàn Quốc (-11% yoy), Mỹ (-18% yoy) và Mexico (-14%). **Hiện tại, Nhật Bản đang đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước ASEAN, đặc biệt là Thái Lan và Indonesia.**

3.7 Khu vực ASEAN

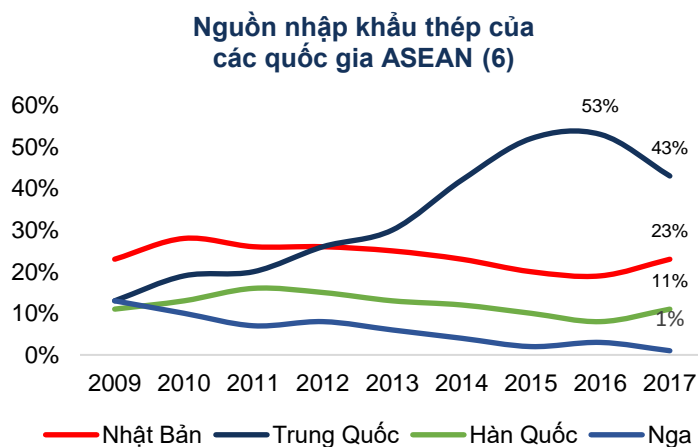
Nhu cầu tiêu thụ thép tăng trưởng nhanh, chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu từ Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc

Với sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á, và sự xuất hiện của các trung tâm sản xuất cho các ngành công nghiệp tiêu thụ thép lớn, như ô tô và thiết bị gia dụng, nhu cầu thép tại khu vực ASEAN đang tăng trưởng khá nhanh – với mức tiêu thụ tăng trưởng trung bình 7,3% trong giai đoạn 2009 - 2017. Theo SEAISI, tổng nhu cầu thép tại sáu nước thành viên ASEAN đạt khoảng 74 triệu tấn trong năm 2017 và dự kiến sẽ vượt 80 triệu tấn vào năm 2020.



Nguồn: SEAISI, WSA, FPTTS tổng hợp

Do sản xuất trong khu vực vẫn còn thiếu rất nhiều so với nhu cầu tiêu thụ thép tăng nhanh chóng, ASEAN chính là thị trường tiềm năng mà các quốc gia sản xuất thép lớn trên thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản hay Hàn Quốc hướng tới. Theo ước tính của SEAISI, khoảng hơn 70 - 80% lượng nhu cầu thép tại ASEAN là đến từ nhập khẩu. Các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là các sản phẩm thép dẹt.

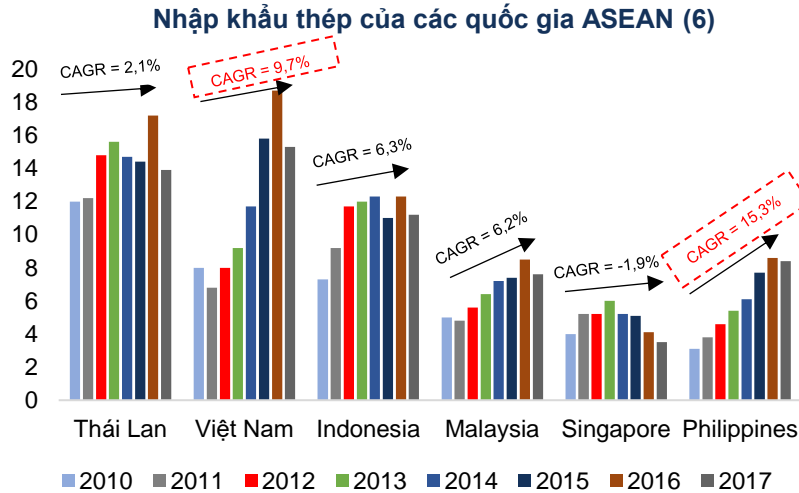


Nguồn: SEAISI, ITA, IHS, FPTTS tổng hợp

Lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc vào khu vực ASEAN đã tăng rất nhanh, đạt mức cao nhất là 36 triệu tấn trong năm 2016, tăng ba lần chỉ trong vòng 4 năm – tương đương với mức tăng trưởng gần 30%/năm. Trong năm 2017, Trung Quốc chiếm 43% lượng thép nhập khẩu của ASEAN, Hàn Quốc chiếm 23% và Nhật Bản chiếm 11%.

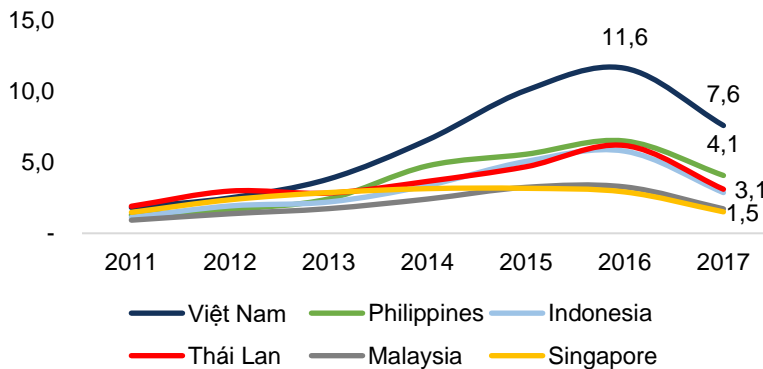
Ba quốc gia này chiếm khoảng 80% nhập khẩu thép của khu vực ASEAN, và đây sẽ tiếp tục là thị trường để 3 quốc gia sản xuất thép lớn nói trên khai thác.

Tăng trưởng nhập khẩu thép mạnh nhất ở Việt Nam và Philippines



Trong số 6 các quốc gia thuộc khối ASEAN, lượng thép nhập khẩu của Việt Nam hiện tại đang là lớn nhất với khoảng gần 15 triệu tấn năm 2017, tăng trung bình 9,7%/năm tính từ năm 2010. Xét về tốc độ tăng trưởng nhập khẩu, Philippines có mức tăng lớn nhất với tốc độ trung bình 15,3%/năm trong giai đoạn 2010 – 2017.

Xuất khẩu thép của Trung Quốc sang ASEAN (triệu tấn)



Giai đoạn 2014 – 2016 khi Trung Quốc dư thừa sản lượng kỷ lục và xuất khẩu phá giá, sản lượng thép xuất khẩu vào Việt Nam là nhiều nhất trong khu vực ASEAN, với đỉnh điểm là khoảng 11,6 triệu tấn trong năm 2016. Tuy nhiên trong năm 2017, với việc cắt giảm công suất ở Trung Quốc, cộng thêm sự hoạt động của dự án Formosa ở Việt Nam, lượng thép Trung Quốc xuất sang Việt Nam đã giảm tới 30%, và chỉ còn 7,6 triệu tấn. **Trong tương lai, có thể Trung Quốc sẽ đẩy mạnh xuất khẩu sang Philippines hay Malaysia.**

Nguồn: SEASI, ITA, FPTS tổng hợp

Xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại tại Đông Nam Á

Với nhu cầu thép hiện tại chủ yếu phải sử dụng thép nhập khẩu, các nước Đông Nam Á đang cố gắng bảo vệ ngành công nghiệp thép nội địa của họ bằng cách tăng cường các chính sách bảo hộ để giảm bớt sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

Tổng hợp số lượng điều tra chống bán phá giá tại các quốc gia Đông Nam Á:

	Indonesia	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Việt Nam	Tổng
1995 – 2011	16	1	9	1	1	28
2012 - 2017	11	4	2	4	5	26

Nguồn: WTO, FPTS tổng hợp

Theo thống kê của WTO, trong giai đoạn 20 năm qua, số lượng các trường hợp điều tra chống bán phá giá do 5 quốc gia Đông Nam Á từ năm 1995 – 2011 tương đương với số vụ điều tra chỉ trong 5 năm qua (2012-2017). Tính đến cuối năm 2016, tổng cộng 16 hành động chống bán phá giá đã được thực hiện, trong đó có 14 trong này có bao gồm Trung Quốc là quốc gia mục tiêu.

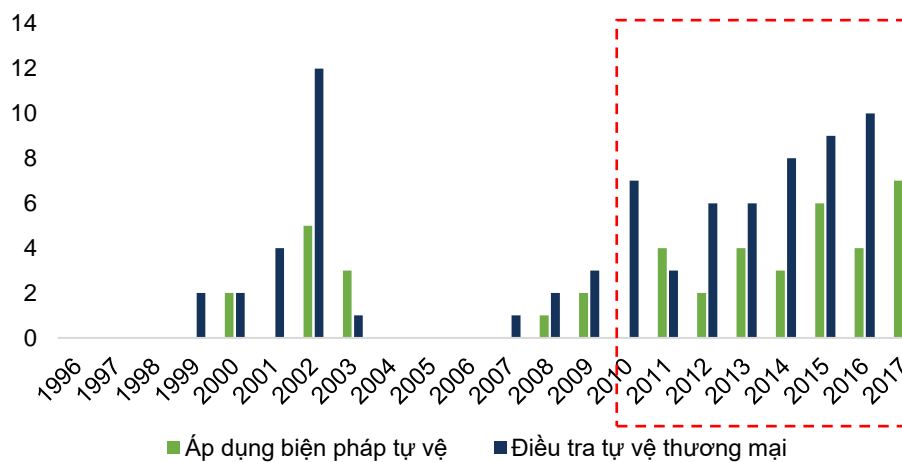
4. Xu hướng gia tăng bảo hộ tại các quốc gia và khu vực.

Trong giai đoạn 2010 đến nay, số lượng điều tra và áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại đã tăng rất nhanh so với giai đoạn trước đó, với nguyên nhân chính đến từ việc Trung Quốc tăng cường xuất khẩu lượng thép dư thừa.

Chính sách bảo hộ ngành thép được thực hiện chủ yếu qua 3 cách:

- Các công cụ truyền thống (thuế nhập khẩu, thuế chống bán phá giá, và thuế tự vệ)
- Các rào cản kỹ thuật (Technical trade barriers - TBTs)
- Các rào cản phi thuế quan thương mại (Non-tariff trade barrier - NTBs).

Số lượng điều tra và áp dụng tự vệ thương mại mặt hàng kim loại cơ bản (1996 - 2017)



Sau khi chính phủ Mỹ áp dụng chính sách bảo hộ ngành thép, xu hướng bảo hộ thương mại cũng đã gia tăng tại các khu vực và các quốc gia khác. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động thương mại trên thế giới.

	Biện pháp	Chi tiết
Mỹ	Thuế nhập khẩu/hạn ngạch các mặt hàng thép	<ul style="list-style-type: none"> • Hiệu lực từ 1/6/2018, Mỹ áp dụng mức thuế nhập khẩu 25% cho các sản phẩm thép. Chỉ có 4 quốc gia được miễn thuế là: Argentina, Úc, Brazil, và Hàn Quốc, nhưng vẫn phải chịu hạn ngạch nhập khẩu nhất định • Hàng rào thuế quan và hạn ngạch sẽ có thể dẫn đến những biện pháp bảo hộ của các quốc gia khác, khiến mức chênh lệch về giá thép của từng quốc gia/khu vực tăng lên.
EU	Các biện pháp phòng vệ ngành thép	<ul style="list-style-type: none"> • Để ngăn ngừa lượng thép xuất khẩu sang Mỹ chuyển hướng sang khu vực EU, EU đã đưa ra những biện pháp phòng vệ thương mại, dự kiến sẽ áp mức thuế nhập khẩu bổ sung 25% đối với 23 sản phẩm thép nếu lượng nhập khẩu các mặt hàng này vào thị trường EU vượt hạn ngạch trung bình của 3 năm gần nhất. • Hạn ngạch được áp dụng trên cơ sở thứ tự của sản lượng nhập khẩu, không áp dụng theo từng quốc gia. Các biện pháp này được áp dụng ở tất cả các quốc gia, ngoại trừ một số nước đang phát triển có xuất khẩu hạn chế sang EU.
Ấn Độ	Thuế tự vệ	<ul style="list-style-type: none"> • Tháng 11/2015, áp thuế tự vệ tạm thời 10% lên thép tấm cán nóng và tôn.

		<ul style="list-style-type: none"> • Áp thuế nhập khẩu 12,5% • Ấn Độ có thể áp thuế CBPG lên thép Trung Quốc trong vòng 5 năm.
ASEAN	Thuế chống bán phá giá	<ul style="list-style-type: none"> • Malaysia áp dụng thuế mặt hàng thép cuộn cán nguội, cán nóng • Indonesia áp dụng thuế chống bán phá giá mặt hàng: tôn màu, HRC, CRC • Thái lan áp dụng thuế chống bán phá giá mặt hàng: ống thép • Việt Nam áp dụng thuế tự vệ mặt hàng: phôi thép, thép dài, và tôn màu • Tiếp tục điều tra chống bán phá giá các mặt hàng thép khác
Mỹ - Trung Quốc	Chiến tranh thương mại	<ul style="list-style-type: none"> • Hiệu lực từ tháng 7/2018, Mỹ và Trung Quốc áp dụng mức thuế 25% cho các mặt hàng nhập khẩu, ước tính trị giá 34 tỷ USD cho nước còn lại. • Hiệu lực từ tháng 9/2018, Mỹ áp thêm 10% thuế nhập khẩu vào các mặt hàng nhập khẩu trị giá 200 tỷ USD từ Trung Quốc, và có thể nâng mức thuế nhập khẩu lên 25%. • Mỹ có thể tiếp tục áp dụng thêm mức thuế nhập khẩu 25% vào các mặt hàng nhập khẩu trị giá 267 tỷ USD từ Trung Quốc. • Hàng rào thương mại sẽ khiến bối cảnh chung của thị trường sắt thép, hàng hóa thế giới tiêu cực hơn.

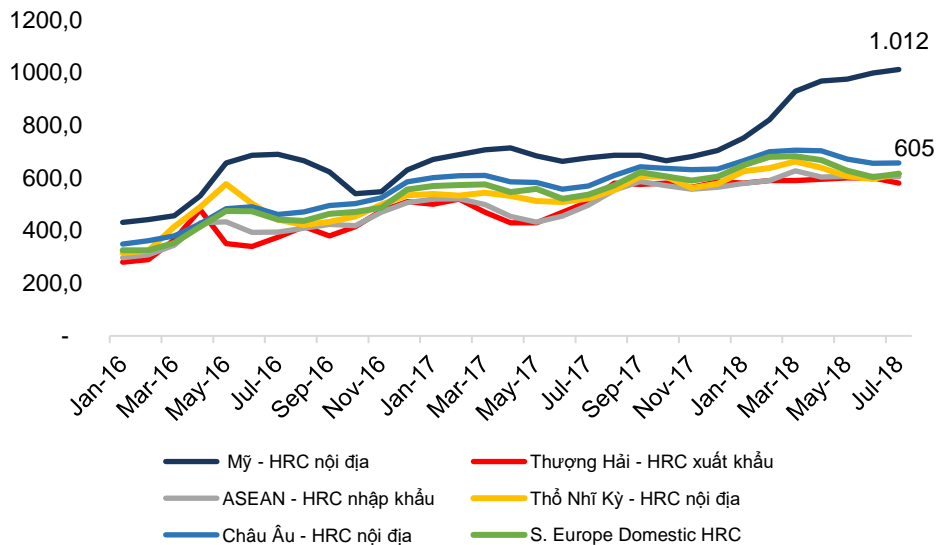
Nguồn: FPTS tổng hợp

5. Cập nhật xu hướng giá thép và giá nguyên vật liệu

5.1 Chênh lệch về giá thép của từng quốc gia/khu vực tăng lên

Sau khi Mỹ chính thức áp dụng các biện pháp bảo hộ, giá thép ở nước này đã tăng rất mạnh. Cụ thể, tại tháng 7/2018, giá thép HRC nhập khẩu đã lên tới hơn 1.000 USD/tấn, mức cao nhất kể từ 2008, và cao hơn các khu vực khác một cách đáng kể. Chúng tôi cho rằng giá thép xuất khẩu từ những nước không bị đánh thuế như Brazil hay Hàn Quốc sẽ thiết lập một mức giá tối thiểu mới tại Mỹ. Cộng với việc nguồn cung thép tại Trung Quốc đang được thắt chặt, **giá thép được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, tuy nhiên sẽ bị phân hóa đối với các khu vực**

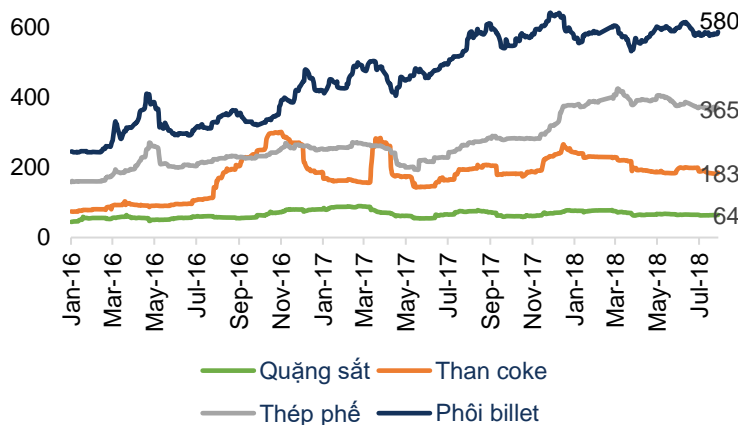
Giá thép HRC tại các khu vực (USD/tấn)



Nguồn: Bloomberg, FPTS tổng hợp

5.2 Diễn biến giá nguyên vật liệu

Diễn biến giá nguyên vật liệu sản xuất thép (USD/tấn)



Nguồn: Bloomberg, FPTS tổng hợp

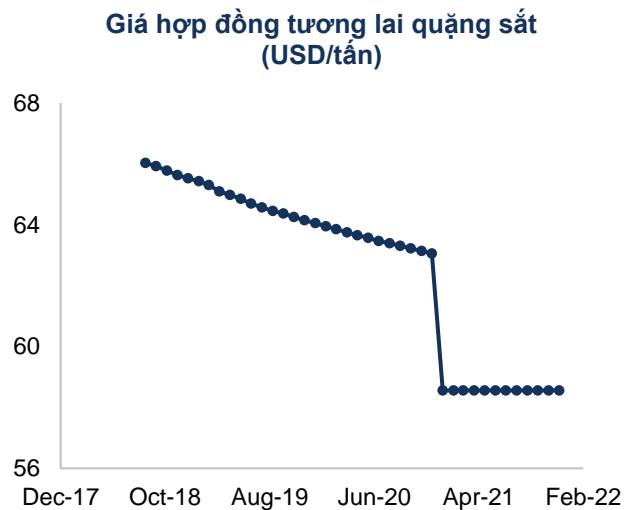
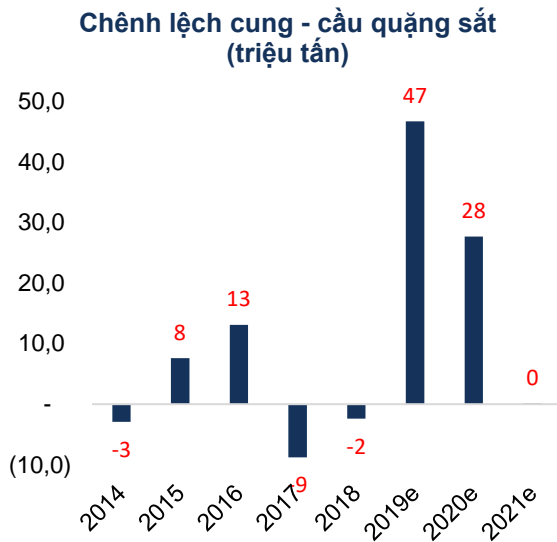
Nhìn chung, giá nguyên vật liệu sản xuất thép có xu hướng giảm từ đầu năm 2018.

- Quặng sắt 62% CFR Trung Quốc là 64,80 USD/tấn (-16% YTD).
- Than coke FOB Úc là 185 USD/tấn (-20% YTD).
- Thép phế là 369 USD/tấn, -5% YTD.
- Phôi billet nội địa Trung Quốc là 586 USD/tấn, tương đương với mức đầu năm.
- HRC nội địa Trung Quốc là 626 USD/tấn (-5% YTD).

Chúng tôi đưa ra nhận định về xu hướng giá các nguyên vật liệu chính như sau:

5.2.1 Quặng sắt: giá sẽ được hỗ trợ trong nửa cuối năm 2018 do thiếu hụt nguồn cung, nhưng sẽ chịu áp lực giảm giá từ năm 2019 do công suất bổ sung

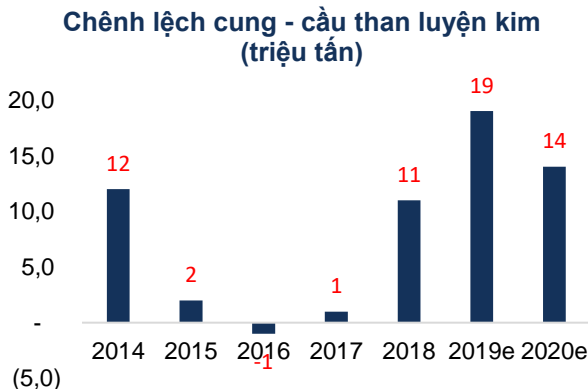
Theo ước tính của Bloomberg, lượng quặng sắt thiếu hụt trong năm 2018 sẽ là khoảng 2 triệu tấn. Tuy nhiên, 3 nhà cung cấp quặng sắt lớn nhất trên thế giới là BHP Billiton, Rio Tinto và Vale sẽ mở rộng công suất, và cung cấp thêm tổng cộng 86 triệu tấn trong vòng 3 năm tới. Điều này sẽ khiến lượng cung dư thừa trong 2019 là khoảng 47 triệu tấn, trong 2020 là 28 triệu tấn. Cung cầu của thị trường quặng sắt được kỳ vọng sẽ cân bằng trở lại từ năm 2021 khi các nhà sản xuất lớn kết thúc việc mở rộng công suất (xem thêm tại [Báo cáo ngành Thép tháng 4/2017](#))



Nguồn: CRU, Bloomberg, CME, FPTS tổng hợp

5.2.2 Than luyện kim:

Trong năm 2018, việc bảo trì đường sắt ở Úc – quốc gia xuất khẩu than coke lớn nhất thế giới - đã khiến cho nguồn cung than luyện kim giảm xuống. Điều này đã khiến cho giá than coke biến động khá thất thường trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, việc bảo trì này chỉ diễn ra trong ngắn hạn. Trong thời gian sắp tới, việc các nhà sản xuất lớn mở rộng quy mô mỏ, cộng với thắt chặt nguồn cung than tại Trung Quốc sẽ gia tăng áp lực giảm giá. (xem thêm tại [Báo cáo ngành Thép tháng 4/2017](#))

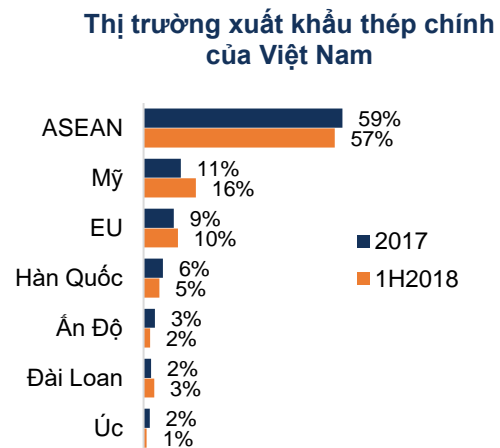
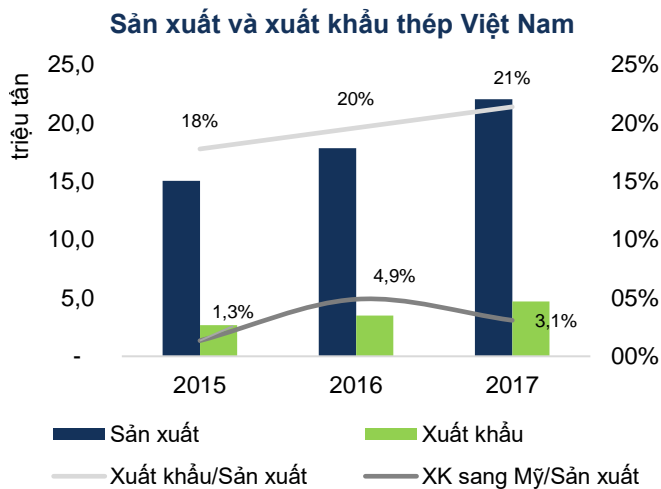


Nguồn: Bloomberg, CME, FPTS tổng hợp

B. NGÀNH THÉP VIỆT NAM

1. Ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách bảo hộ của Mỹ tới Việt Nam: tác động chủ yếu tới các doanh nghiệp tôn mạ

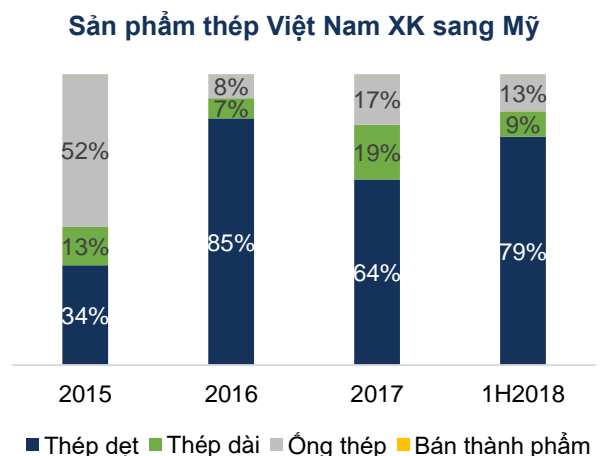
Từ giai đoạn 2015 tới nay, Việt Nam xuất khẩu khoảng 20% lượng thép sản xuất nội địa. Trong năm 2017, Việt Nam sản xuất được hơn 22 triệu tấn thép, và xuất khẩu được 4,7 triệu tấn. Như vậy, thị trường xuất khẩu chiếm 21,4% tổng sản xuất thép của Việt Nam, trong đó thị trường chính là các nước trong khối ASEAN - đặc biệt là Campuchia, Malaysia, Indonesia, và Thái Lan – chiếm hơn 50% tổng lượng thép xuất khẩu, Mỹ và EU đứng thứ 2 và 3 với 11% và 9% tổng lượng thép xuất khẩu.



Nguồn: VSA, GSO, FPTTS tổng hợp

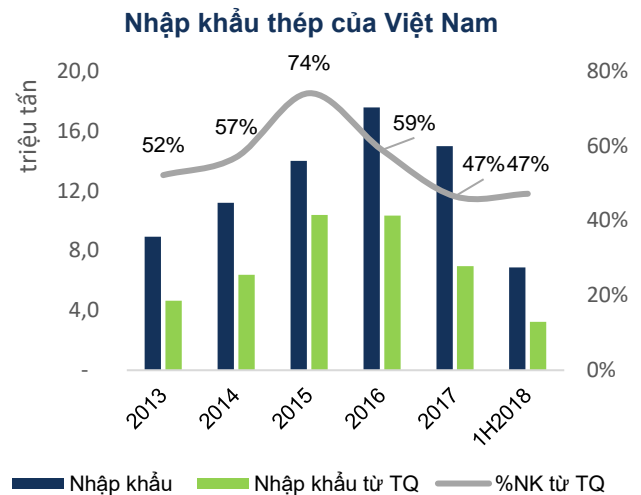
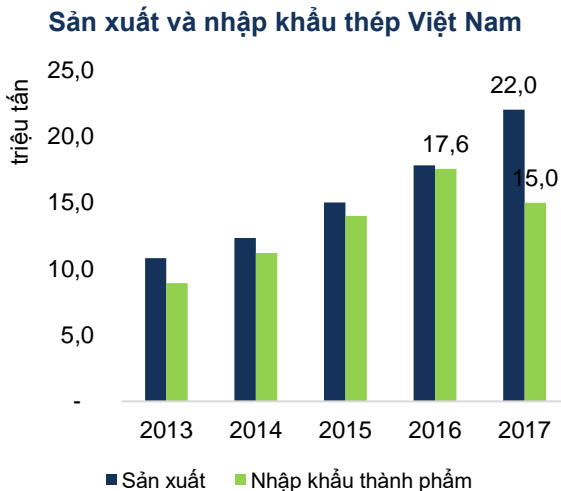
Năm 2017, thị trường Mỹ chiếm 11% tổng xuất khẩu thép của Việt Nam. Sản lượng này so với tổng sản lượng thép nhập khẩu của nước Mỹ chỉ chiếm khoảng 2%. Xét từ năm 2011 tới nay, sản lượng nhập khẩu từ Việt Nam cũng chưa bao giờ vượt quá 3% sản lượng nhập khẩu thép của Mỹ. Đánh giá tác động của việc áp dụng chính sách bảo hộ của Mỹ:

- Về phía Mỹ: không có nhiều tác động.
- Về phía Việt Nam: tổng thể xuất khẩu thép sẽ không bị tác động trọng yếu. Tuy nhiên, nhóm tôn mạ sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất, do đây là sản phẩm chính xuất khẩu sang Mỹ (chiếm 70 – 80%).



2. Ảnh hưởng gián tiếp từ lượng thép xuất sang Mỹ từ các quốc gia khác chuyển hướng sang Việt Nam

Việt Nam phải nhập khẩu thép khá nhiều để phục vụ cho sản xuất, đặc biệt là bán thành phẩm ở mảng thép dẹt. Trong đó, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc – với tỷ trọng nhập khẩu từ nước này luôn dao động ở quanh mức trên 50%. Các quốc gia lớn khác mà Việt Nam nhập khẩu thép là Nhật Bản (15%), Hàn Quốc (12%), và Đài Loan (10%).



Nguồn: VSA, SEAISI, FPTTS tổng hợp

Theo đánh giá của chúng tôi, lượng thép xuất sang Mỹ từ các quốc gia khác sẽ **khó có khả năng chuyển hướng** sang Việt Nam vì 2 lý do:

(a) Chính sách thuế bảo hộ của Việt Nam

Trong năm 2015, Trung Quốc chiếm tới 74% lượng thép xuất khẩu sang Việt Nam, do lượng thép dư thừa tại nước này cao ở mức kỷ lục và các sản phẩm xuất khẩu sang Việt Nam chịu mức thuế nhập khẩu là 0%. Điều này đã khiến các doanh nghiệp thép nội địa của Việt Nam bị ảnh hưởng rất tiêu cực. Sau đó, trong 2016 và 2017, Bộ Công thương Việt Nam đã áp dụng chính sách thuế tự vệ với các mặt hàng thép, và ngay lập tức đã khiến lượng thép nhập khẩu nói chung, và đặc biệt từ Trung Quốc đã giảm mạnh – chỉ còn 7 triệu tấn – từ mức hơn 10 triệu tấn trong 2015.

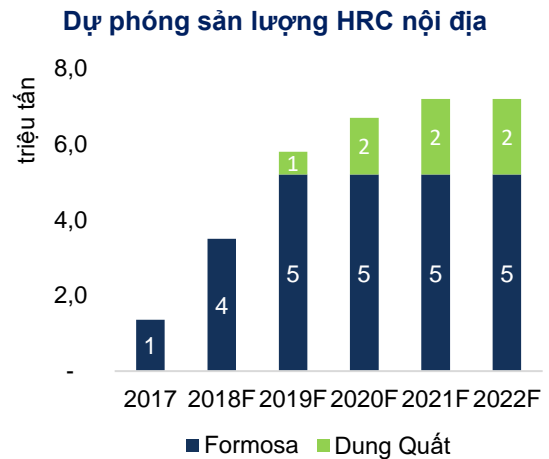
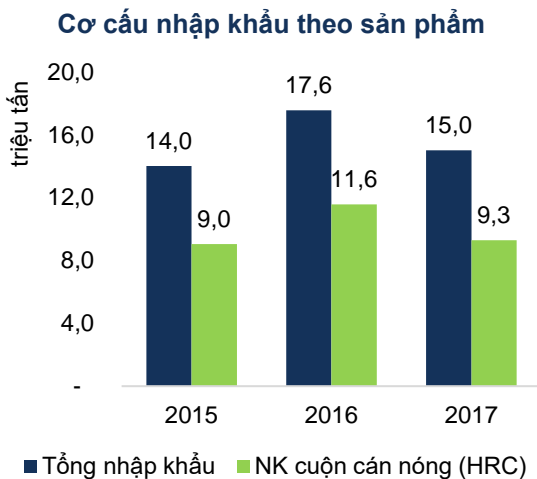
	Hiệu lực	Thời hạn	Đối tượng chính	Thuế suất
Tự vệ thép dài	2/8/2016	5 năm	Tất cả	15,40%
Tự vệ phôi thép	2/8/2016	5 năm	Tất cả	23,30%
CBPG tôn mạ	14/4/2017	5 năm	Trung Quốc, Hàn Quốc	3,17% - 38,34%
Tự vệ tôn màu	15/6/2017	4 năm	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan	19%

Nguồn: Cục phòng vệ Thương mại, VCCI, MoIT

Các thị trường nhập khẩu thép lớn còn lại của Việt Nam là Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan (khoảng 35 – 40% lượng thép nhập khẩu của Việt Nam năm 2017) cũng sẽ chỉ chịu ảnh hưởng không trọng yếu từ việc Mỹ áp dụng chính sách bảo hộ, do thị trường Mỹ chỉ chiếm 5 – 10% cơ cấu xuất khẩu của các quốc gia này.

(b) Đóng góp của dự án Formosa Hà Tĩnh và Dung Quất Hòa Phát giúp giảm bớt phụ thuộc vào nhập khẩu

Trong 3 năm trở lại đây, loại sản phẩm thép nhập khẩu nhiều nhất của Việt Nam là thép cuộn cán nóng (HRC) (luôn chiếm từ 65 – 70% tổng lượng thép nhập khẩu). Trước năm 2016, đây là loại mặt hàng mà Việt Nam chưa sản xuất được và phải nhập khẩu gần như toàn bộ. Cho tới thời điểm hiện tại, Việt Nam đang có 2 dự án sản xuất thép HRC là: (1) Formosa - Hà Tĩnh (đã hoạt động từ năm 2017) và (2) Dung Quất - Quảng Ngãi (dự kiến hoạt động từ cuối năm 2019).



Nguồn: VSA, FPTS tổng hợp

Về các dự án lớn sản xuất thép cuộn cán nóng ở Việt Nam:

- **Dự án Formosa Hà Tĩnh:**

Hoạt động từ tháng 7/2017 sẽ giúp cho sự phụ thuộc vào thép nhập khẩu của Việt Nam giảm đi đáng kể trong thời gian tới. Trong năm 2017, Formosa đã sản xuất được hơn 1.3 triệu tấn, với sản phẩm chủ yếu là HRC. Trong tháng 5/2018, lò cao số 2 của Formosa đã được vận hành thử. Như vậy, ước tính Formosa sẽ sản xuất được 3.5 triệu tấn HRC cho 2018, và khoảng 5.2 triệu tấn khi hoạt động hết công suất những năm sau đó, tương đương với 55 – 60% lượng HRC nhập khẩu năm 2017.

- **Dự án khu liên hợp gang thép Dung Quất:**

Dự kiến sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2019, với công suất thiết kế là 2 triệu tấn HRC/năm. Chúng tôi giả định dự án sẽ hoạt động hết công suất sau 2 năm đi vào vận hành.

Với sự đóng góp của 2 dự án Formosa Hà Tĩnh và Dung Quất, cho tới năm 2021 – khi các biện pháp bảo hộ thương mại hiện tại hết hiệu lực – ước tính Việt Nam có thể sản xuất được hơn 7 triệu tấn HRC/năm, và về cơ bản sẽ đáp ứng được 80% nhu cầu sản xuất nội địa.

3. Làn sóng bảo hộ thương mại từ các quốc gia khác sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới các doanh nghiệp tôn mạ

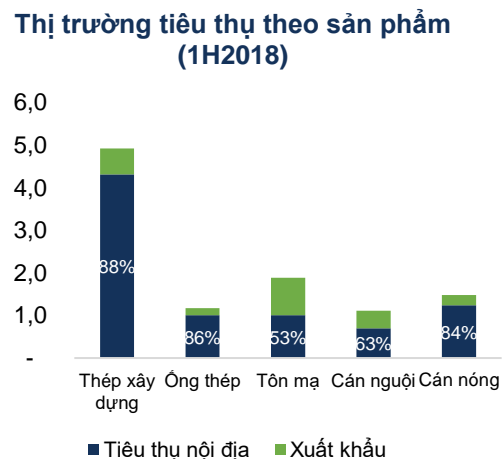
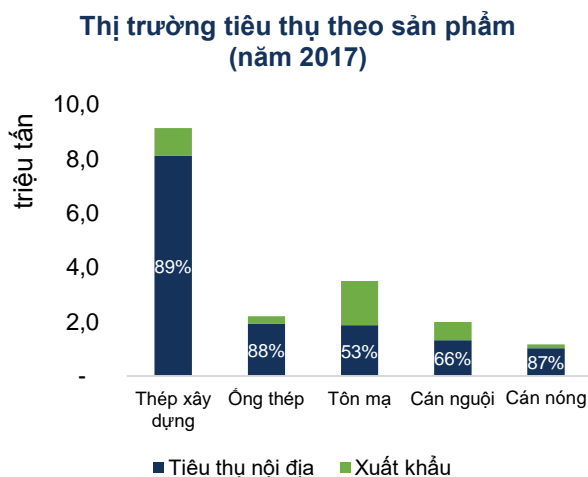
Theo Bộ Công Thương, giai đoạn 2007 – 2016, thép Việt Nam xuất khẩu phải đối mặt với 29 vụ kiện. Trong đó, có 18 vụ kiện chống bán phá giá, 4 vụ kiện chống trợ cấp và 4 vụ kiện áp dụng biện pháp tự vệ từ rất nhiều quốc gia khác nhau như: Mỹ, Canada, EU, Úc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ.

Tính đến cuối năm 2017, có tổng cộng 124 vụ kiện điều tra phòng vệ thương mại đối với các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam. Trong đó, các sản phẩm thép và liên quan đến thép là 30 vụ (chiếm khoảng 25%)

Sản phẩm	Chống bán phá giá (AD)	Chống trợ cấp (CVD)	Chống lẩn tránh thuế (AC)	Điều tra tự vệ (SG)	Tổng
Thép	17	6	4	3	30
Khác	58	4	13	19	94

Nguồn: Cục phòng vệ Thương mại, MOLT

Nhìn chung, biện pháp chống bán phá giá được các quốc gia sử dụng nhiều nhất, tiếp đến là chống trợ cấp, chống lẩn tránh thuế và cuối cùng là điều tra tự vệ.



Nguồn: VSA, FPTTS tổng hợp

Theo số liệu của VSA trong năm 2017 và nửa đầu năm 2018, trong các sản phẩm thép chính của Việt Nam, tỷ trọng xuất khẩu thép xây dựng và ống thép chỉ ở mức 11 - 12%, trong khi tôn mạ là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất với tỷ trọng xuất khẩu lên đến 47% sản lượng tiêu thụ. **Do đó, với làn sóng bảo hộ thương mại gia tăng trên toàn cầu các doanh nghiệp sản xuất thép xây dựng sẽ ít chịu ảnh hưởng, trong khi đó các sản xuất tôn mạ sẽ là phải chịu ảnh hưởng mạnh nhất.**

C. CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Cập nhật kết quả kinh doanh của một số doanh nghiệp thép niêm yết

Lĩnh vực	Doanh nghiệp	Doanh thu thuần 1H2018	Doanh thu thuần 1H2017	% yoy	Lợi nhuận gộp 1H2018	Lợi nhuận gộp 1H2017	% yoy	LNST 1H2018	LNST 1H2017	% yoy
Sản xuất thép xây dựng	HPG	27.261	20.876	+31%	5.846	4.652	+26%	4.425	3.474	+27%
	POM	6.636	5.103	+30%	560	434	+29%	374	265	+41%
	TIS	5.802	4.310	+35%	294	303	-3%	42	74	-43%
	VGS	3.509	2.962	+18%	107	92	+16%	33	25	+29%
	VIS	2.674	2.985	-10%	16	123	-87%	(66)	49	-236%
	DNY	886	1.035	-14%	42	74	-43%	(11)	21	-154%
Thương mại	SMC	7.973	5.805	+37%	424	341	+25%	159	156	+2%
	TLH	3.057	2.259	+35%	294	287	+2%	142	182	-22%
Tôn mạ	HSG	17.988	13.551	+33%	2.050	2.247	-9%	179	687	-74%
	NKG	7.877	5.487	+44%	604	645	-6%	230	351	-35%
	DTL	1.524	1.435	+6%	158	213	-26%	60	118	-49%

Nguồn: FPTSS tổng hợp

Trong nửa năm đầu 2018, hầu như doanh thu của các doanh nghiệp thép niêm yết đều tăng 30 – 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc giá thép cũng đã tăng khá mạnh trong giai đoạn này (~30% so với cùng kỳ), và sản lượng tiêu thụ vẫn tăng trưởng khá ổn định. Tuy nhiên, nếu xét về lợi nhuận, có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm doanh nghiệp thép.

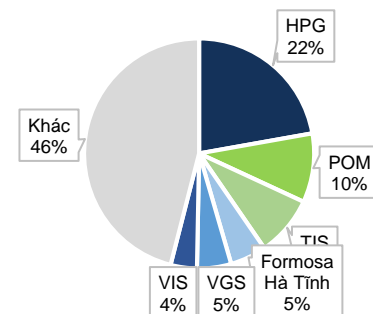
1. Nhóm thép xây dựng:

Tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng 6 tháng đầu năm 2018 đạt 4,9 triệu tấn (+16,3% yoy).

Những doanh nghiệp đầu ngành có lợi thế về quy mô như HPG, POM tiếp tục có mức độ tăng trưởng lợi nhuận tốt, đi cùng tăng trưởng doanh thu. TIS tuy có doanh thu tăng trưởng 35% nhưng LNST lại giảm 43% so với cùng kỳ, do không còn lợi nhuận bất thường. Hai trường hợp đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất thép này là VIS và DNY, với doanh thu giảm 10 – 14% và báo lỗ, trong khi cùng kỳ vẫn có lãi.

Doanh nghiệp	Tiêu thụ thép XD 1H2018 (tấn)	% yoy
HPG	1.094.479	+8,0%
POM	476.880	+3,5%
TIS	415.891	+24,5%
Formosa Hà Tĩnh	253.270	N/A
VGS	237.780	+23,2%
VIS	183.100	-7,5%
Khác	2.258.889	+11,2%
Tổng	4.920.289	+16,3%

Thị phần thép xây dựng (1H2018)



Nguồn: VSA, FPTSS Tổng hợp

- **HPG – Giữ vững vị thế đầu ngành, động lực tăng trưởng từ dự án Dung Quất**

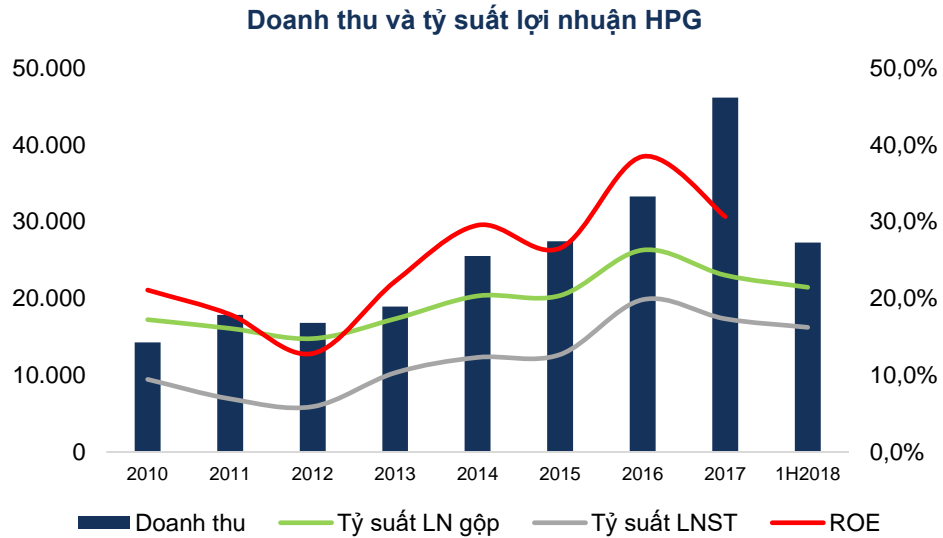
Với lợi thế về quy mô, chi phí sản xuất, thương hiệu và hệ thống phân phối, hiện nay CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) đang có thị phần số một trong mảng thép xây dựng và ống thép. Trong nửa năm đầu 2018, sản lượng thép xây dựng đạt 1,1 triệu tấn (+8% yoy), và thép ống là 314.000 tấn tương đương thị phần tương ứng 22% và 27%.

Động lực tăng trưởng cho giai đoạn 2019 - 2022 đến từ khu liên hợp gang thép Dung Quất. Dây chuyền cán thép đầu tiên (công suất 600.000 tấn/năm) của giai đoạn I dự kiến sẽ được đưa vào hoạt động vào quý 3 năm 2018, và sau đó toàn bộ giai đoạn I sẽ hoạt động vào 2019.

Mảng	Dự án	Công suất	Tổng mức đầu tư	Thời gian hoàn thành
Dự án đã hoạt động				
Thép	Thép xây dựng	2,2 triệu tấn/năm	18.000 tỷ VND	
	Ống thép	600.000 tấn/năm		
Nông nghiệp	Dự án thức ăn chăn nuôi và	400.000 tấn/năm	1.000 tỷ VND	
Sản xuất công nghiệp khác	Nội thất, điện lạnh	N/A	N/A	
Bất động sản	Khu công nghiệp	N/A	N/A	
Dự án mới				
Thép	Khu liên hợp Dung Quất	GD1: 2 triệu tấn thép dài/năm GD2: 2 triệu tấn thép HRC/năm	52.000 tỷ VND	GD1: 2019 GD2: 2020
	Nhà máy tôn mạ	500.000 tấn/năm	4.000 tỷ VND	Q2/2018
Bất động sản	Dự án 70 Nguyễn Đức Cảnh	Diện tích xây dựng: 1.500 m ² 21 tầng, hơn 200 căn hộ	N/A	Trong 2019
Nông nghiệp	Dự án thức ăn chăn nuôi	400.000 tấn/năm	500 tỷ VND	Năm 2018

Nguồn: HPG, FPTTS tổng hợp

Sản phẩm của giai đoạn I sẽ giúp HPG giải quyết vấn đề hạn chế công suất và củng cố vị thế dẫn đầu trong mảng thép xây dựng. Giai đoạn II sẽ giúp hoàn thành chuỗi giá trị sản xuất thép dẹt. Lượng thép cán nóng (HRC) dự kiến sẽ được sử dụng phần lớn cho nội bộ để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn là ống thép và tôn mạ. Ngoài ra, vị trí địa lý của dự án Dung Quất được kỳ vọng sẽ giúp HPG thâm nhập được thị trường miền Nam.



Nguồn: HPG, FPTS tổng hợp

Nhìn chung, lợi thế về việc áp dụng công nghệ sản xuất BOF và kênh phân phối rộng khắp sẽ giúp HPG giữ được vị thế đầu ngành thép tại Việt Nam. Việc triển khai dự án Dung Quất thành công sẽ nói rộng khoảng cách đối với các doanh nghiệp sản xuất thép nội địa khác.

(Xem thêm báo cáo về HPG tại [đây](#))

- **POM – Đứng đầu thị trường thép xây dựng miền Nam, bắt đầu phát triển mảng tôn mạ**

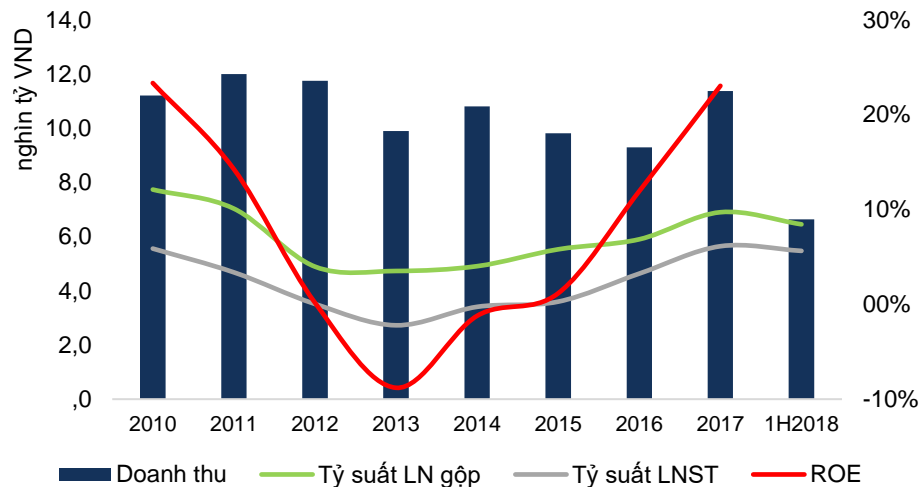
Trong giai đoạn 2008 - 2010, CTCP Thép Pomina (POM) là doanh nghiệp sản xuất thép dài đứng đầu Việt Nam, với thị phần đạt 17% cả nước. Tuy nhiên, thị phần của POM giảm liên tục do sản phẩm kém cạnh tranh về giá bán và sự tăng trưởng sản lượng mạnh mẽ của các doanh nghiệp đối thủ, đến năm 2017 thị phần của POM chỉ còn 12%, đứng vị trí thứ hai trong mảng thép dài sau thép Hòa Phát.

Dự án	Công suất	Tổng mức đầu tư	Thời gian hoàn thành
Dự án đã hoạt động			
Thép xây dựng	1 triệu tấn/năm		Đang hoạt động
Dự án mới			
Nhà máy tôn mạ	GĐ1: 200.000 tấn/năm GĐ2: 400.000 tấn/năm	3.000 tỷ VND	GĐ1: Q4/2018 GĐ2: năm 2020
Lò BOF luyện thép	580 m ³	420 tỷ VND	Đầu năm 2019
Dây chuyền cán thép	500.000 tấn/năm	1.100 tỷ VND	N/A

Nguồn: POM, FPTTS tổng hợp

Trong kế hoạch phát triển tới năm 2020, ban lãnh đạo POM dự kiến sẽ triển khai 3 dự án mới với tổng mức đầu tư 250 triệu USD. Trong đó, đáng chú ý sẽ là dự án nhà máy tôn mạ mới. Công suất thiết kế dự kiến của nhà máy tôn mạ khá lớn (600.000 nghìn tấn/năm), xấp xỉ bằng công suất hiện tại của NKG và bằng ½ công suất của HSG, là hai doanh nghiệp đứng đầu mảng tôn mạ. Điều này cho thấy định hướng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm của POM khi mà các sản phẩm thép dài hiện tại của doanh nghiệp cho thấy sự cạnh tranh yếu so với thép dài nhập khẩu và thép dài được sản xuất từ lò BOF.

Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận POM



Nguồn: POM, FPTTS tổng hợp

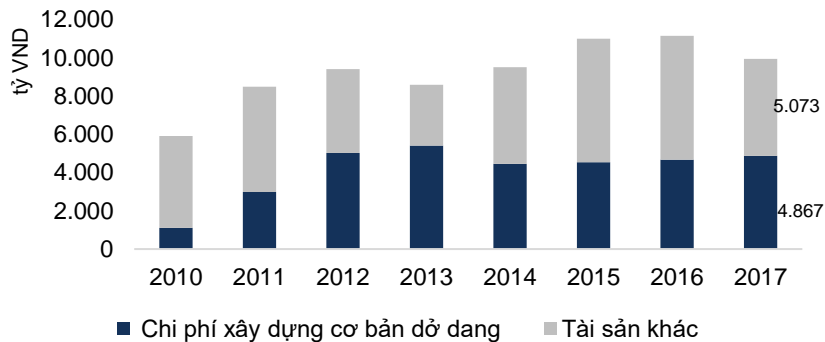
Cơ hội đầu tư vào POM trong những năm sắp tới phụ thuộc khá nhiều vào các dự án của doanh nghiệp này. Trong đó, tiến độ triển khai, chất lượng sản phẩm, kênh phân phối và mức độ tiếp nhận của khách hàng là những yếu tố rất quan trọng.

(Xem thêm báo cáo cập nhật về POM tại [đây](#))

- **TIS – Chưa giải quyết được dự án mở rộng gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2**

CTCP Gang thép Thái Nguyên (TIS) được xem là khu công nghiệp đầu tiên tại Việt Nam có dây chuyền sản xuất khép kín. Hiện tại, công suất sản xuất thép cán đạt khoảng 1 triệu tấn/năm. TIS đã từng được coi là niềm hy vọng của ngành thép Việt Nam tuy nhiên lại hoạt động không hiệu quả.

Cơ cấu tài sản TIS (2010 - 2017)



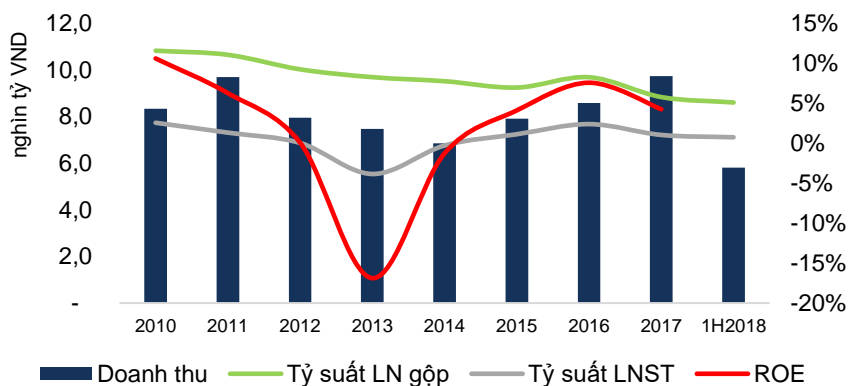
Nguồn: BCTC TIS, FPTTS tổng hợp

Vấn đề lớn nhất đối với TIS hiện tại là dự án mở rộng giai đoạn 2 gang thép Thái Nguyên, được phê duyệt vào năm 2005, nhưng đến nay vẫn chưa được hoàn thành. Khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của đang chiếm 46% tổng tài sản với gần 5.000 tỷ đồng. Vào năm 2014, TIS đã phát hành riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu cho SCIC tương ứng 1.000 tỷ đồng để lấy vốn đầu tư vào dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2. Tuy nhiên, trong năm 2017, SCIC đã quyết định rút vốn 1.000 tỷ VND này khỏi TIS.

Hiện tại, phương hướng giải quyết của Chính phủ đối với TIS:

- Đàm phán và giải quyết tranh chấp với nhà thầu tại các hợp đồng EPC. Tổng thầu chính của dự án là Tập đoàn Xây lắp luyện kim Trung Quốc (MCC).
- Thoái phần vốn Nhà nước còn lại tại TIS từ 65% xuống dưới 30%.
- Làm việc với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng đề nghị cơ cấu nợ, giãn nợ, giảm lãi suất đối với dự án

Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận TIS

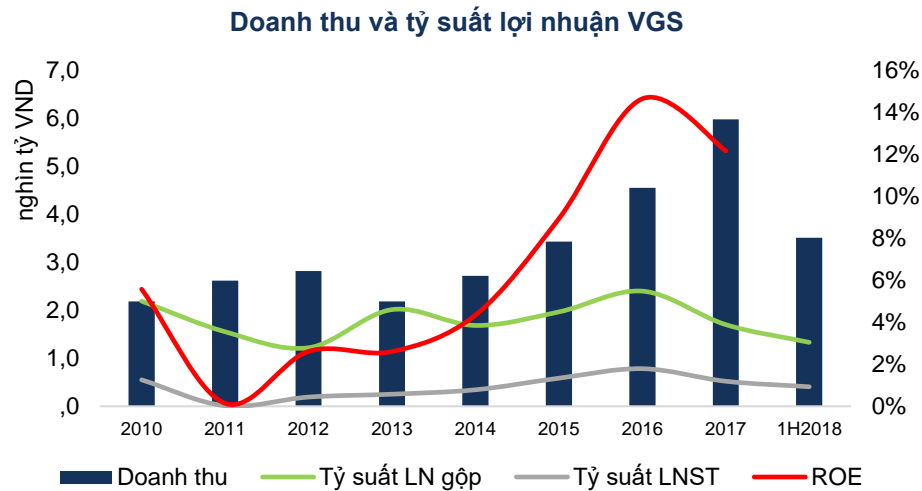


Nguồn: TIS, FPTTS tổng hợp

(Xem thêm báo cáo về TVN – cổ đông lớn nhất của TIS tại [đây](#))

- VGS – Theo dõi dự án bất động sản Legend City**

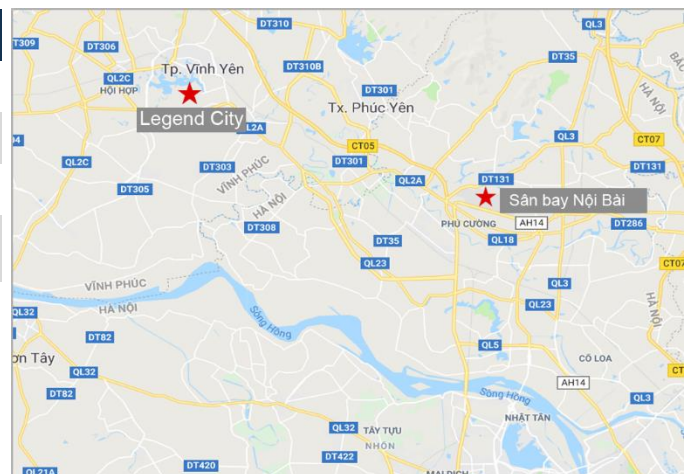
CTCP Ống thép Việt Đức (VGS) nằm trong top 7 các nhà sản xuất thép lớn nhất Việt Nam. Hiện tại, năng lực sản xuất ống thép và tôn của VGS khoảng 600.000 tấn/năm; thép xây dựng của công ty liên kết khoảng 700.000 tấn/năm. Khu vực hoạt động chủ yếu của VGS là ở miền Bắc, với thị phần cả nước năm 2017 của mảng ống thép là xấp xỉ 6,5% và mảng thép xây dựng là 4,7%.



Nguồn: VGS, FPTS tổng hợp

Về mảng kinh doanh cốt lõi, VGS không có dự định có thêm dự án/nhà máy. Động lực tăng trưởng chính trong thời gian tới sẽ là dự án bất động sản Legend City là. Trong năm 2018, sau khi rút vốn tại công ty liên kết, VGS sẽ tự triển khai dự án Việt Đức Legend City, khu đô thị rộng 62ha ở huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong năm 2018, VGS dự kiến sẽ giải phóng mặt bằng và triển khai thi công giai đoạn I với vốn đầu tư 1.500 tỷ đồng. Legend City sẽ tập trung cung cấp căn hộ giá cả phải chăng cho công nhân và nhà phố cho nhu cầu đầu tư và kinh doanh.

Các thông tin khác về dự án	
Diện tích xây dựng	62 ha
Tổng đầu tư ước tính	1.500 tỷ đồng
Giá bán ước tính	10 - 12 triệu đồng/m ²
Mục tiêu	Khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, CBCNV.
Thời gian triển khai	2018: giải phóng mặt bằng và bắt đầu triển khai. 2019 – 2020: tiến hành bán hàng, thu tiền, xây dựng 2021: bàn giao và bắt đầu ghi nhận doanh thu

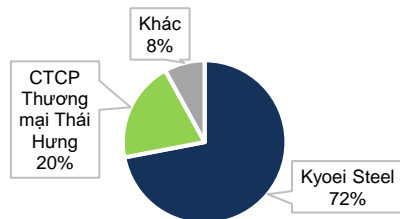


Nguồn: VGS, Google Maps

(Xem thêm báo cáo cập nhật về VGS tại [đây](#))

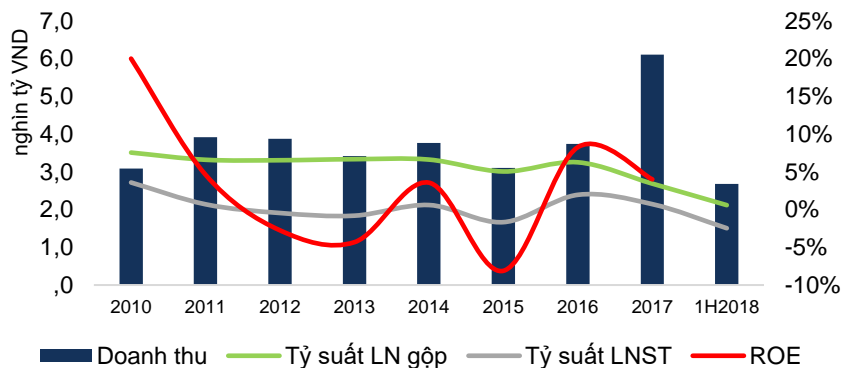
- VIS – Chờ đợi quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp**

Từ năm thành lập 2003 cho đến giữa năm 2016, cổ đông lớn nhất của VIS là Tổng công ty Sông Đà (chiếm 53%) - một doanh nghiệp nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng. Tháng 8/2016, TCT Sông Đà đã bán hết cổ phần tại VIS cho CTCP Thương mại Thái Hưng, một doanh nghiệp tư nhân lớn trong ngành thép, và cũng là đối tác kinh doanh lớn của VIS kể từ khi thành lập. Sau đó, Thái Hưng đã bán một phần vốn này lại cho Kyoei Steel – một doanh nghiệp FDI của Nhật Bản.



Quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp đang diễn ra sau khi Kyoei Steel trở thành cổ đông lớn. Các khoản mục tài sản (đầu tư tài chính, phải thu khách hàng) đã được đánh giá lại và trích lập dự phòng dẫn đến khoản lỗ trong 2018.

Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận VIS



Nguồn: VIS, FPTTS tổng hợp

Trong giai đoạn 2012-2016, do nhà máy cán thép của VIS đã chạy hết công suất từ năm 2010, sản lượng tiêu thụ của VIS gần như không tăng, và chỉ đạt khoảng 5.5%/năm. Việc nhà máy cán thép luôn phải hoạt động hết công suất khiến VIS có nhu cầu xây nhà máy mới để mở rộng. Tuy nhiên, các dự án đầu tư đều bị chậm tiến độ so với dự kiến

Dự án	Địa điểm	Công suất (tấn/năm)	Đầu tư (tỷ VND)	Dự kiến hoàn thành
Dự án đã hoạt động				
NM cán thép	Hưng Yên	250.000		Đang hoạt động
NM phôi thép	Hải Phòng	400.000		
Dự án mới				
NM phôi thép	Hưng Yên	+500.000	650	2019
Cải tạo NM cán thép	Hưng Yên	+150.000	156	2019
NM cán thép	Hải Phòng	+500.000	800	N/A
Chuyển đổi công nghệ NM phôi	Hải Phòng		168	2018

Nguồn: VIS, FPTTS tổng hợp

(Xem thêm báo cáo cập nhật về VIS tại [đây](#))

2. Nhóm tôn mạ và ống thép:

Tổng sản lượng tiêu thụ tôn mạ 6 tháng đầu năm 2018 đạt 1,9 triệu tấn (+17,3% yoy), ống thép đạt 1,1 triệu tấn (+14% yoy).

Với xu hướng giá nguyên vật liệu HRC tăng và biến động mạnh trong nửa năm đầu 2018, lợi nhuận của nhóm doanh nghiệp tôn mạ giảm khá mạnh so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận gộp các doanh nghiệp đầu ngành như HSG, NKG giảm đến 5 điểm phần trăm. Cộng với xu hướng gia tăng vay nợ để nhập hàng tồn kho, chi phí lãi vay gia tăng khiến cho LNST giảm rất mạnh so với cùng kỳ.

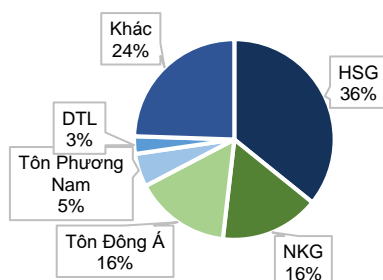
Doanh nghiệp	Tiêu thụ thép tôn mạ 1H2018 (tấn)	% yoy	Xuất khẩu 1H2018 (tấn)	%yoy
HSG	674.553	+12%	306.303	-6%
NKG	302.060	+25%	206.083	98%
Tôn Đông Á	291.951	+44%	170.234	79%
Tôn Phương Nam	101.206	-12%	6.955	-8%
DTL	53.348	-2%	3.197	-82%
Tổng	1.884.377	+17%	880.957	17%

Doanh nghiệp	Tiêu thụ thép ống thép 1H2018 (tấn)	% yoy	Xuất khẩu 1H2018 (tấn)	%yoy
HPG	314.200	+15%	7.900	+68%
HSG	214.497	+23%	21.892	+1104%
NKG	79.220	+49%	3.634	N/A
VGS	80.520	+11%	1.000	N/A
Minh Ngọc	98.950	-6%	-	N/A
SeAH VN	85.361	+8%	66.452	+11%
Tổng	1.173.867	+14%	167.132	+40%

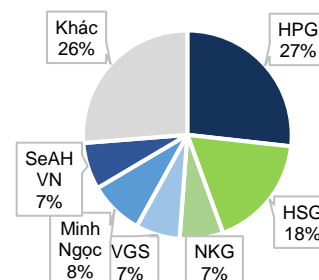
Nguồn: VSA, FPTIS Tổng hợp

Cạnh tranh gay gắt và rào cản thương mại gia tăng khiến triển vọng các doanh nghiệp ngành tôn mạ trở nên kém khả quan hơn. Như đã phân tích, sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là các sản phẩm thép dẹt (tôn mạ), sang thị trường chính là ASEAN, Mỹ và khu vực EU. Việc các quốc gia và khu vực tăng cường bảo hộ sẽ khiến triển vọng xuất khẩu các doanh nghiệp tôn mạ kém khả quan hơn. Hơn nữa, công suất nội địa đã tăng rất nhanh trong giai đoạn 2016-2018 bởi các doanh nghiệp đầu ngành cũng sẽ khiến thị trường nội địa cạnh tranh dữ dội hơn.

Thị phần tôn mạ (1H2018)



Thị phần ống thép (1H2018)

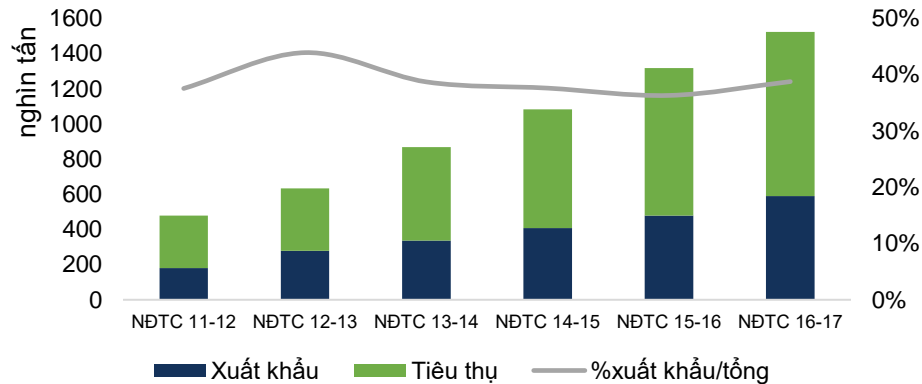


Nguồn: VSA, FPTIS tổng hợp

- **HSG – Gặp nhiều khó khăn từ áp lực cạnh tranh và nhu cầu vốn gia tăng**

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG) hiện đang là doanh nghiệp chiếm thị phần số 1 mảng tôn mạ và số 2 mảng ống thép tại Việt Nam. Thị trường truyền thống của HSG là khu vực phía Nam. Trong năm 2017, doanh thu chủ yếu đến từ thị trường nội địa, chiếm 65%, phần còn lại là đến từ hoạt động xuất khẩu, chiếm 35%. Riêng mảng nội địa, có khoảng 15% doanh thu đến từ hoạt động bán buôn (cho các nhà thầu lớn hay công trình xây dựng) và phần còn lại đến từ bán lẻ.

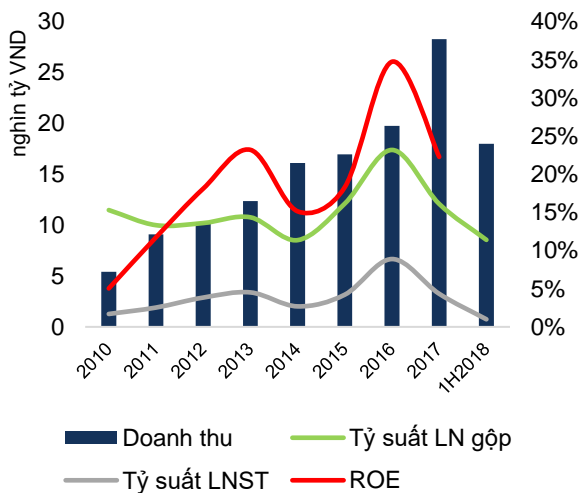
Sản lượng tiêu thụ và xuất khẩu HSG



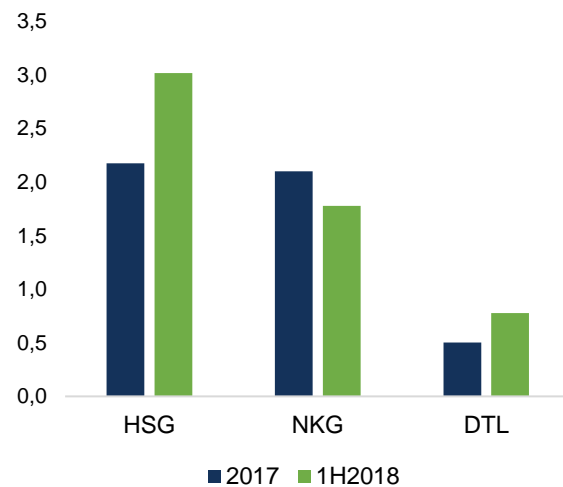
Nguồn: HSG, FPTTS tổng hợp

Giá thép HRC đầu vào biến động mạnh ảnh hưởng tiêu cực tới tỷ suất lợi nhuận gộp. Ngoài ra, việc HSG liên tục mở rộng công suất, tăng cường sử dụng vay nợ dẫn đến áp lực vốn lưu động gia tăng. Với việc cạnh tranh gay gắt trong nước và rào cản thương mại gia tăng, HSG đang gặp nhiều thách thức để cải thiện khả năng sinh lời. Xu hướng sắp tới của HSG nhiều khả năng sẽ phải cắt giảm chi phí bán hàng và quản lý và chuyển hướng sang thị trường nội địa để cải thiện tỷ suất lợi nhuận.

Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận HSG



Nợ vay/VCSH doanh nghiệp tôn mạ

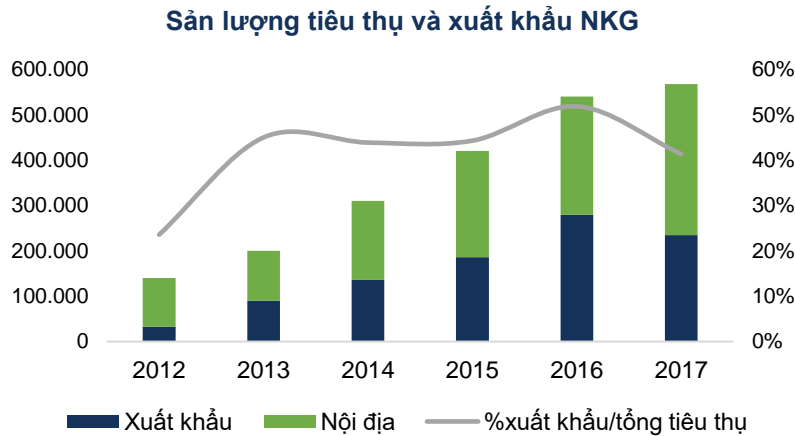


Nguồn: HSG, FPTTS tổng hợp

(Xem thêm báo cáo cập nhật về HSG tại [đây](#))

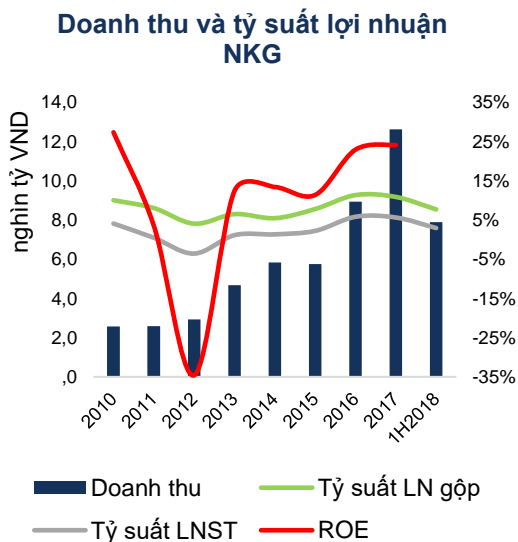
- NKG – Ảnh hưởng tiêu cực của bảo hộ thương mại, đặc biệt từ Indonesia**

CTCP Thép Nam Kim (NKG) là doanh nghiệp đứng thứ 2 về thị phần tôn mạ sản xuất ở Việt Nam. Tỷ trọng doanh thu giữa thị trường nội địa và xuất khẩu cũng đồng đều, khoảng 50% mỗi loại. Riêng kênh bán hàng nội địa, khách hàng dự án chiếm tỷ trọng nhỏ khoảng 15 – 20% và các xưởng cán chiếm 80 – 85% trong cơ cấu doanh thu.

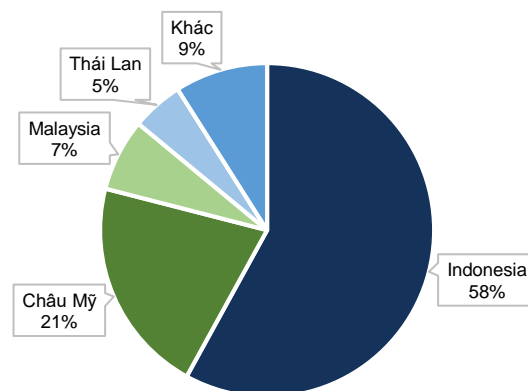


Nguồn: NKG, FPTIS tổng hợp

Động lực tăng trưởng trong thời gian tới của NKG đến từ việc mở rộng công suất. Nhà máy Nam Kim 3 mới giúp gia tăng công suất sản xuất tôn mạ của NKG thêm 190% lên 1,2 triệu tấn từ quý 3/2017 đến quý 1/2018, trong khi nhà máy Nam Kim 4 gia tăng công suất ống thép của NKG thêm 150% lên 300.000 tấn từ quý 2/2017. Tuy nhiên, các rào cản thương mại gia tăng, đặc biệt tại Indonesia - thị trường xuất khẩu chính của NKG sẽ tạo ra nhiều thử thách cho NKG.



Các thị trường xuất khẩu của NKG (năm 2016)

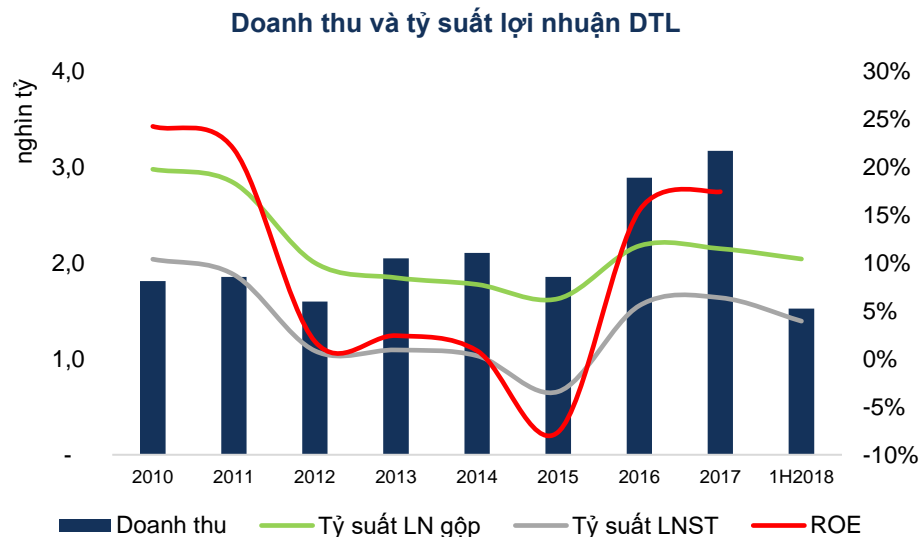


Nguồn: NKG, FPTIS tổng hợp

(Xem thêm báo cáo cập nhật về NKG tại [đây](#))

- **DTL – Khó khăn từ thị trường Thái Lan**

CTCP Đại Thiên Lộc (DTL) được thành lập từ năm 2001. Bên cạnh hoạt động sản xuất tôn mạ và ống thép, DTL cũng có những hoạt động thương mại với các sản phẩm thép dẹt như thép HRC, CRC, và các sản phẩm tôn. Vào giai đoạn 2010, hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng khoảng 60 –70% trong cơ cấu doanh thu. Sau khi mở rộng năng lực sản xuất, trong năm 2016, tỷ trọng doanh thu đến từ hoạt động thương mại giảm xuống chỉ còn khoảng 30 –40%. Tính tới hiện nay, DTL đang hoạt động với mức vốn 614 tỷ đồng, là doanh nghiệp có quy mô hoạt động và vốn ở mức trung bình trong ngành.



Nguồn: DTL, FPTS tổng hợp

- Về thị trường nội địa, khả năng DTL gia tăng thị phần sẽ rất khó khăn do chi phí cao dẫn đến giá thành sản phẩm không thể cạnh tranh tốt bằng các doanh nghiệp đối thủ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp lớn (HPG, HSG, NKG) trong mảng tôn mạ đều có dây chuyền mới, dẫn đến mức độ cạnh tranh nội địa sẽ tăng lên đáng kể.
- Về thị trường xuất khẩu, DTL sẽ gặp khó khăn nhiều hơn so với HSG và NKG. Tỷ trọng xuất khẩu chiếm 25% trong cơ cấu doanh thu của DTL và thị trường Thái Lan là một trong ba quốc gia chiếm tỷ trọng lớn nhất bên cạnh Malaysia và Indonesia. Tại Thái Lan, DTL đã bị áp thuế chống bán phá giá thuộc nhóm cao nhất vào cuối tháng 03/2017, với tôn kẽm bị áp thuế 30,77% và tôn lạnh bị áp thuế 34,05%.

Dự án mới trong kế hoạch của DTL bao gồm dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 2 KCN Sóng Thần 3 với mức đầu tư 100 tỷ đồng để đầu tư bổ sung thêm 2 dây chuyền mạ màu.

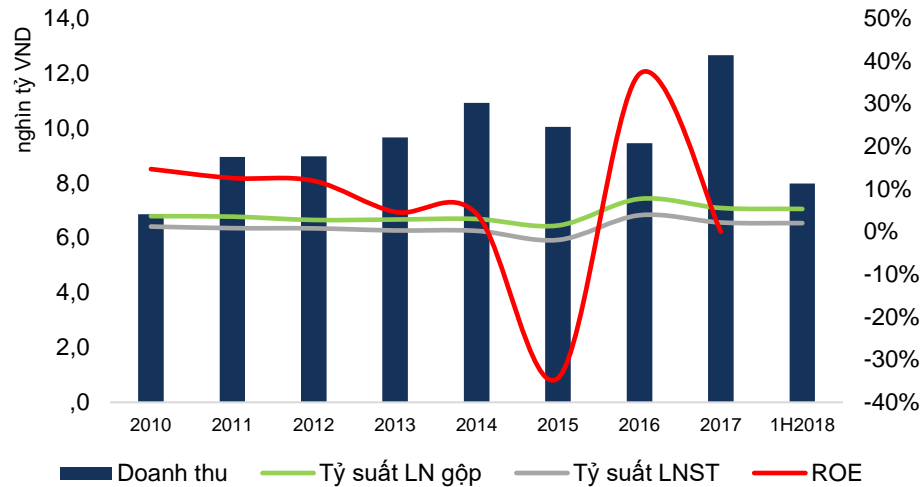
(Xem thêm báo cáo cập nhật về DTL tại [đây](#))

3. Nhóm thương mại:

- SMC

CTCP Thương mại SMC (SMC) là doanh nghiệp thương mại thép lớn tại Việt Nam về thép xây dựng và thép dẹt cuộn phục vụ cho ngành xây dựng và gia công sau cán. Tỷ lệ tiêu thụ thép xây dựng chiếm 55 % và mảng thép dẹt chiếm 42% trong cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp.

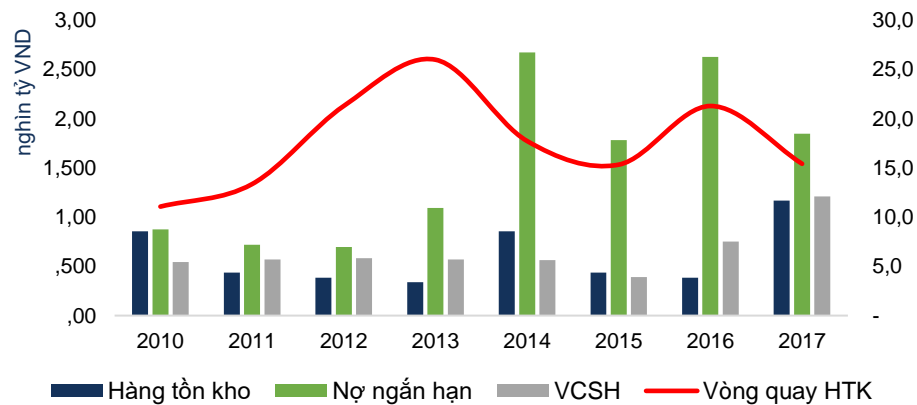
Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận SMC



Nguồn: SMC, FPTIS tổng hợp

Sự thay đổi đột biến trong tỷ suất lợi nhuận gộp giữa 2015 và 2016 đến từ chính sách nhập hàng tồn kho “quyết liệt” của doanh nghiệp trong năm 2015. Giá thép đã giảm rất mạnh trong 2015 đã khiến giá vốn hàng bán bình quân tăng rất mạnh, gây thua lỗ lớn. Tuy nhiên, sang năm 2016, giá thép đã tăng trở lại do chính sách thuế tự vệ của Bộ công thương, với cùng chính sách hàng tồn kho như 2015 thì SMC lại lãi lớn trở lại. Nhìn chung, với xu hướng sử dụng đòn bẩy cao để nhập hàng tồn kho, kết quả kinh doanh của SMC sẽ biến động rất nhạy theo giá thép và do đó, khó có thể dự báo lợi nhuận cũng như hiệu quả hoạt động của SMC.

Chỉ số tài chính SMC

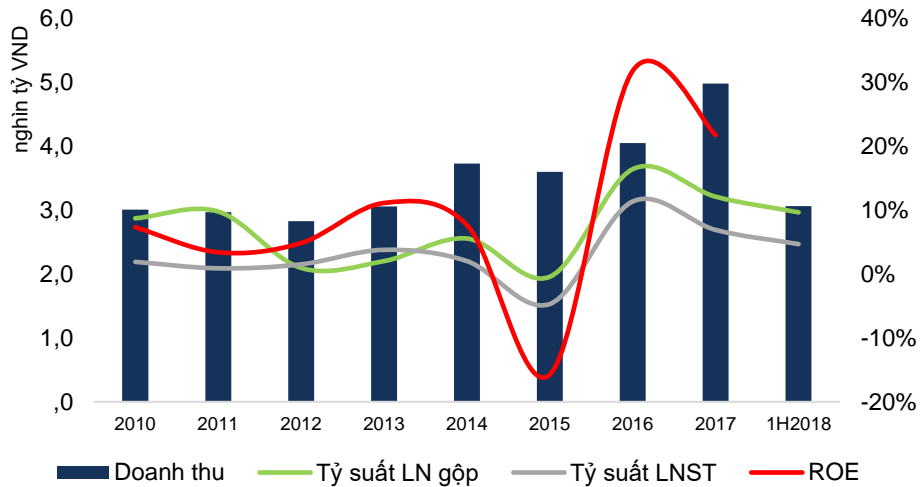


Nguồn: SMC, FPTIS tổng hợp

- TLH

CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên (TLH) được thành lập năm 1988, hoạt động trong lĩnh vực thương mại thép với sản phẩm chính là thép xây dựng.

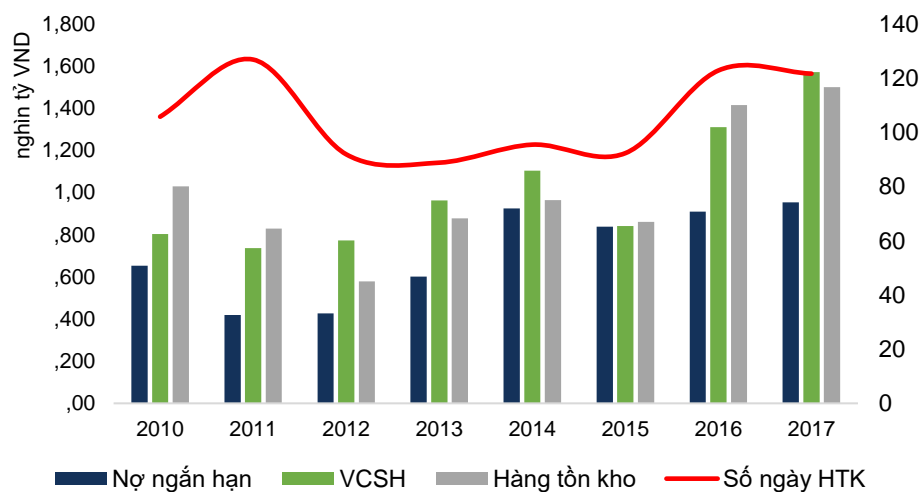
Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận TLH



Nguồn: TLH, FPTTS tổng hợp

Cũng giống như TLH, sự thay đổi đột biến trong tỷ suất lợi nhuận gộp giữa 2015 và 2016 đến từ chính sách nhập hàng tồn kho “quyết liệt” của doanh nghiệp trong năm 2015. Giá thép đã giảm rất mạnh trong 2015 đã khiến giá vốn hàng bán bình quân tăng rất mạnh, gây thua lỗ lớn. Tuy nhiên, sang năm 2016, giá thép đã tăng trở lại do chính sách thuế tự vệ của Bộ công thương, với cùng chính sách hàng tồn kho như 2015 thì TLH lại lãi lớn trở lại. Với xu hướng sử dụng đòn bẩy cao, kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của TLH sẽ biến động rất nhạy theo giá thép.

Chỉ số tài chính TLH



Nguồn: TLH, FPTTS tổng hợp

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS nắm giữ 299 cổ phiếu HPG, 46 cổ phiếu HSG, 124 cổ phiếu NKG, 57 cổ phiếu SMC, 279 cổ phiếu TLH, 33 cổ phiếu VIS, 1 cổ phiếu POM, 2 cổ phiếu DTL, 34 cổ phiếu VGS, và 0 cổ phiếu TIS.

Chuyên viên phân tích không nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào của các công ty đề cập trong báo cáo này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**Trụ sở chính**

Số 52 đường Lạc Long Quân,
Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.4) 3 773 7070 / 271 7171
Fax: (84.4) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3 – Bến Thành Tower,
136–138 Lê Thị Hồng Gấm,
Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 6 290 8686
Fax: (84.8) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**Chi nhánh Đà Nẵng**

100 Quang Trung, Quận Hải
Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (84.511) 3553 666
Fax: (84.511) 3553 888